

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **3683**/BKHDĐT-PTDN

V/v góp ý dự thảo Báo cáo tình hình
phát triển doanh nghiệp năm 2020 và
5 tháng đầu năm 2021

Hà Nội, ngày **14** tháng **6** năm 2021

Kính gửi:

- Các Bộ: Tài chính; Công Thương; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thông tin và Truyền thông, Khoa học và Công nghệ, Lao động Thương binh và Xã hội; Tài nguyên và Môi trường; Giao thông vận tải; Giáo dục và Đào tạo; Ngân hàng nhà nước Việt Nam;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Hà Nội; Thành phố Hồ Chí Minh; Hải Phòng; Đà Nẵng; Cần Thơ; Quảng Ninh; Bắc Ninh; Bà Rịa - Vũng Tàu; Đồng Nai; Bình Dương; Khánh Hòa;

Thực hiện nhiệm vụ được Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ giao tại Công văn 208/TTg-ĐMDN ngày 07/02/2018 về việc tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình phát triển doanh nghiệp hàng năm và thực hiện chương trình công tác tại Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ ngày 01/01/2021, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã xây dựng dự thảo Báo cáo tình hình phát triển doanh nghiệp năm 2020 và đề nghị quý Cơ quan nghiên cứu góp ý, bổ sung chi tiết về số liệu, các nội dung nhiệm vụ, giải pháp trong phạm vi, lĩnh vực quản lý nhằm hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp trong thời gian tới.

Ý kiến góp ý đề nghị gửi về Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Cục Phát triển doanh nghiệp, email: levanluong@mpi.gov.vn, ĐT: 080 43853) trước ngày 18 tháng 6 năm 2021, để hoàn thiện báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý cơ quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ (để p/h);
- Các đơn vị: QLKTTW, TTDBKTQG, TCTK, ĐTNN, ĐKKD (xin ý kiến);
- Lưu: VT, PTDN

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG

Trần Duy Đông

Số: /BC-BKHĐT
V/v Báo cáo tình hình phát triển
doanh nghiệp năm 2020 và 05 tháng
đầu năm 2021

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP NĂM 2020 VÀ 05 THÁNG
ĐẦU NĂM 2021

I. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP (DN) NĂM 2020

1. Khái quát chung tình hình hoạt động của khu vực DN năm 2020.

Tính đến hết năm 2020, Việt Nam có 811.538 DN đang hoạt động, tăng 7,0% so với cùng kỳ năm trước¹.

Trong năm 2020, tổng số DN gia nhập và tái gia nhập thị trường là 179.037 DN (tăng 0,83% so với năm 2019), bao gồm: 134.941 DN thành lập mới (giảm 2,3%) và 44.096 DN quay trở lại hoạt động (tăng 11,9%). Trung bình mỗi tháng có 14.920 DN gia nhập và tái gia nhập thị trường. Số vốn đăng ký của 134.941 DN thành lập mới là 2.235.626 tỷ đồng, giảm 2,3% về số DN và tăng 29,2% về số vốn đăng ký so với năm 2019. Vốn đăng ký bình quân/DN trong năm 2019 đạt 16,57 tỷ đồng, tăng 32,3% so với năm 2018.

Mặc dù số DN thành lập mới năm 2020 giảm 2,3% so với năm 2019 nhưng một số ngành có DN đăng ký thành lập gia tăng như: Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản; Công nghiệp – Xây dựng (các ngành khai khoáng; sản xuất, phân phối điện, nước; xây dựng); Dịch vụ (hoạt động chuyên môn khoa học và công nghệ)².

Trong năm 2020, các vùng lãnh thổ có sự thay đổi cả tăng và giảm về DN thành lập mới so với năm 2019. Trong đó, khu vực Tây Nguyên có sự biến động về số DN thành lập mới cao nhất (tăng 34,7% so với năm 2019), khu vực Đông Nam Bộ có số lượng DN thành lập mới đạt cao nhất với 55.850 DN (chiếm 41,4% số DN thành lập mới cả nước) và số vốn đăng ký là 1.299.749 tỷ đồng (chiếm 58,1% cả nước), giảm 4,8% về số DN và tăng 58,8% về số vốn so

¹ Tính đến hết năm 2019, Việt Nam có 758.610 DN đang hoạt động.

² Ngành Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản tăng nhanh và liên tục trong 4 năm liên tiếp (2017-2020), tăng 30,1% so với năm 2019; ngành khai khoáng tăng 4,9% so với 2019; ngành Sản xuất, phân phối điện, nước tăng 34% so với năm 2019; ngành Khoa học, công nghệ tăng 1,4% so với năm 2019; và ngành Xây dựng (tăng 0,4% so với năm 2019).

với năm 2019³. Tiếp đó là vùng Đồng bằng Sông Hồng với 39.724 DN thành lập mới (chiếm 29,4% cả nước) và số vốn đăng ký là 512.400 tỷ đồng (chiếm 22,9% cả nước), giảm 5,1% về số DN và giảm 1% về số vốn so với năm 2019⁴.

Trong số các DN đăng ký thành lập năm 2020, có 119.980 DN là DN nhỏ hoặc siêu nhỏ với vốn đăng ký dưới 10 tỷ đồng (chiếm 88,9% tổng số DN đăng ký thành lập, giảm 2% so với năm 2019) và đáng chú ý là sự gia tăng về số lượng DN thành lập mới ở quy mô vốn đăng ký trên 20-50 tỷ đồng với 3.959 DN (chiếm 2,9%, tăng 0,35%).

Trong năm 2020, số DN quay trở lại hoạt động là 44.096 DN, tăng 11,8% so với năm 2019; và có 101.719 DN rút lui khỏi thị trường (tăng 25,3% so với năm 2019), trung bình mỗi tháng có 8.476 DN rút lui khỏi thị trường. Có 46.592 DN tạm ngừng kinh doanh, tăng 62,2% so với năm 2019 trong đó các ngành kinh doanh đều có sự gia tăng về số lượng DN đăng ký tạm ngừng hoạt động⁵.

2. Về tình hình phát triển DN dân doanh (DNDD)⁶

Đến thời điểm 30/09/2020, toàn quốc có 764.613 doanh nghiệp dân doanh đang kinh doanh, tăng 35.315 doanh nghiệp (4,84%) so với thời điểm cuối năm 2019 (ngày 31/12/2019): Số lượng doanh nghiệp dân doanh có phát sinh doanh thu là 515.373 doanh nghiệp (chiếm tỷ trọng 66,44% trong tổng số doanh nghiệp dân doanh đã nộp tờ khai, cùng kỳ năm 2019 là 67,86%), tăng 15.810 doanh nghiệp (3,16%) so với cùng kỳ năm 2019.

Tổng doanh thu 9 tháng năm 2020 của doanh nghiệp dân doanh là 12.235.474 tỷ đồng, giảm 215.408 tỷ đồng (1,73%) so với cùng kỳ năm 2019. Tổng doanh thu 9 tháng năm 2020 tính bình quân trên một doanh nghiệp dân doanh là 15,77 tỷ đồng, giảm 1,14 tỷ đồng (6,74%) so với cùng kỳ năm 2019.

(Đề nghị Bộ Tài chính cập nhật số liệu về tài chính của DN khu vực dân doanh hết năm 2020)

Đóng góp của khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (chủ yếu là DNDD) trong năm 2020 ước đạt khoảng 271 nghìn tỷ đồng, chiếm 18% tổng thu ngân sách nhà nước⁷.

³ Trong đó, Thành phố Hồ Chí Minh có 41.423 DN (chiếm 74,2% của khu vực và chiếm 30,7% cả nước) với số vốn đăng ký là 1.131.281 tỷ đồng (chiếm 87% của khu vực và chiếm 50,6% cả nước), giảm 7,5% về số DN và tăng 66,2% về số vốn.

⁴ Riêng, Thủ đô Hà Nội có 26.136 DN (chiếm 65,8% của khu vực và chiếm 19,3% cả nước) với số vốn đăng ký là 371.524 tỷ đồng (chiếm 72,5% của khu vực và chiếm 16,6% cả nước), giảm 5,7% về số DN và giảm 2,6% về số vốn đăng ký so với năm 2019.

⁵ Kinh doanh bất động sản (1325 DN, tăng 121,6% so với năm 2019); giáo dục và đào tạo (878 DN, tăng 89,6%), hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ (2818 DN, tăng 87,6%), dịch vụ lưu trú và ăn uống (2.897 DN, tăng 86,5%), Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội 9148 DN, tăng 80,5%), công nghiệp chế biến và chế tạo (5772 DN, tăng 57,9%), xây dựng (6412 DN, tăng 54,8%)...

⁶ Theo số liệu báo cáo của Bộ Tài chính

⁷ Theo Quyết định số 2680/QĐ-BTC ngày 16/12/2019 của Bộ Tài chính.

3. Về tình hình DN có vốn đầu tư nước ngoài (DN FDI)⁸

Tính đến 20/12/2020, tổng vốn đăng ký cấp mới, điều chỉnh và góp vốn mua cổ phần của nhà ĐTNN đạt 28,53 tỷ USD, bằng 75% so với cùng kỳ năm 2019. Vốn thực hiện của dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài ước đạt 19,98 tỷ USD, bằng 98% so với cùng kỳ năm 2019.

Tính lũy kế đến ngày 20/12/2020, cả nước có 33.070 dự án còn hiệu lực với tổng vốn đăng ký 384 tỷ USD. Vốn thực hiện lũy kế của các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài ước đạt 231,86 tỷ USD, bằng 60,4% tổng vốn đầu tư đăng ký còn hiệu lực. Trong đó:

Vốn đăng ký mới: Có 2.523 dự án mới được cấp GCNĐKĐT (giảm 35% so với cùng kỳ), tổng vốn đăng ký đạt 14,65 tỷ USD (giảm 12,5% so với cùng kỳ năm 2019).

Vốn điều chỉnh: Có 1.140 lượt dự án đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư (giảm 17,5% so với cùng kỳ), tổng vốn đăng ký tăng thêm đạt trên 6,4 tỷ USD (tăng 10,6% so với cùng kỳ).

Góp vốn, mua cổ phần: Có 6.141 lượt GVMCP của nhà ĐTNN (giảm 37,6% so với cùng kỳ), tổng giá trị vốn góp 7,47 tỷ USD (giảm 51,7% so với cùng kỳ). Cơ cấu giá trị góp vốn, mua cổ phần trong tổng vốn đầu tư cũng giảm so với cùng kỳ năm 2019 (từ 40,7% trong năm 2019 xuống 26,2% trong năm 2020).

Các nhà đầu tư nước ngoài đã đầu tư vào 19 ngành lĩnh vực, trong đó lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo dẫn đầu với tổng vốn đầu tư đạt 13,6 tỷ USD, chiếm 47,7% tổng vốn đầu tư đăng ký. Lĩnh vực sản xuất, phân phối điện đứng thứ 2 với tổng vốn đầu tư trên 5,1 tỷ USD, chiếm 18% tổng vốn đầu tư đăng ký. Tiếp theo lần lượt là các lĩnh vực hoạt động kinh doanh bất động sản, bán buôn bán lẻ với tổng vốn đăng ký gần 4,2 tỷ USD và trên 1,6 tỷ USD. Còn lại là các lĩnh vực khác.

Đã có 112 quốc gia và vùng lãnh thổ có đầu tư tại Việt Nam trong năm 2020. Singapore dẫn đầu với tổng vốn đầu tư gần 9 tỷ USD, chiếm 31,5% tổng vốn đầu tư vào Việt Nam; Hàn Quốc đứng thứ hai với tổng vốn đầu tư trên 3,9 tỷ USD, chiếm 13,8% tổng vốn đầu tư. Trung Quốc đứng vị trí thứ 3 với tổng vốn đầu tư đăng ký 2,46 tỷ USD, chiếm 8,6% tổng vốn đầu tư. Tiếp theo là Nhật Bản, Đài Loan, Hồng Kông, ...

Các nhà ĐTNN đã đầu tư vào 60 tỉnh, thành phố trên cả nước trong năm 2020. TP Hồ Chí Minh vươn lên dẫn đầu với tổng vốn đăng ký đạt 4,36 tỷ USD, chiếm 15,3% tổng vốn đầu tư (trong đó đầu tư theo phương thức góp vốn mua cổ phần chiếm tỷ trọng lớn, chiếm 72,9% tổng vốn đầu tư của Thành Phố). Bạc Liêu đứng thứ hai với 1 dự án lớn có vốn đầu tư 4 tỷ USD, chiếm 14% tổng vốn

⁸ Số liệu từ Cục Đầu tư nước ngoài – Bộ Kế hoạch và Đầu tư

đầu tư đăng ký. Hà Nội đứng thứ 3 với gần 3,6 tỷ USD, chiếm 12,6% tổng vốn đầu tư (trong đó vốn đầu tư tập trung nhiều vào phương thức mở rộng dự án hiện có và góp vốn mua cổ phần, chiếm lần lượt 35,2% và 45% tổng vốn đầu tư đăng ký của Hà Nội). Tiếp theo lần lượt là Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Dương, Hải Phòng, ...

Các nhà ĐTNN tham gia góp vốn vào các DN trong nước chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo với 46,2% tổng giá trị; kinh doanh bất động sản với 17,6% tổng giá trị. Về cơ cấu đối tác đầu tư: chủ yếu vẫn là các đối tác châu Á (chiếm 83,6% tổng vốn đăng ký), châu Mỹ (gần 7%), châu Âu (5,1%, chủ yếu là các nước thuộc EU với 90,2%), ...

Do tác động của đại dịch Covid-19, hoạt động sản xuất, kinh doanh bị ảnh hưởng, vốn đầu tư thực hiện của các dự án ĐTNN trong năm 2020 tuy giảm so với năm 2019 song mức độ giảm đã được cải thiện (giảm 2% so với năm 2019). Nhiều doanh nghiệp ĐTNN đang dần hồi phục và duy trì tốt hoạt động sản xuất kinh doanh và mở rộng dự án. Điểm nhấn trong năm 2020 là vốn đầu tư điều chỉnh tăng 10,6% so với cùng kỳ năm 2019.

Hiện vẫn có rất nhiều nhà đầu tư nước ngoài quan tâm, tin tưởng và có nhu cầu đầu tư vào Việt Nam. Nhưng do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, việc đi lại của các nhà đầu tư cũng như các quyết định đầu tư mới và mở rộng quy mô dự án ĐTNN tiếp tục bị ảnh hưởng. Mặc dù số dự án mới, điều chỉnh vốn và cả số lượt GVMCP của nhà ĐTNN trong năm 2020 đều giảm so với cùng kỳ, tuy nhiên mức độ giảm cũng đang được cải thiện. Cùng với việc kiểm soát tốt đại dịch Covid ở Việt Nam, số dự án cấp mới và điều chỉnh vốn đều tăng lên trong các tháng cuối năm (Số dự án cấp mới trong Quý IV năm 2020 tăng 9% so với Quý III năm 2020. Số dự án điều chỉnh vốn cũng tăng lần lượt 26%, 18% và 45% so với các Quý III, Quý II và Quý I năm 2020). Xét trong bối cảnh đầu tư toàn cầu suy giảm rất mạnh do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 thì kết quả này tốt hơn nhiều quốc gia khác, thể hiện sức hấp dẫn của Việt Nam trong mắt giới đầu tư quốc tế.

Dự kiến đóng góp của khu vực DN FDI vào ngân sách nhà nước năm 2020 đạt 228 nghìn tỷ đồng chiếm khoảng 15% tổng thu ngân sách nhà nước năm 2020⁹.

4. Về tình hình DN nhà nước (DNNN)¹⁰

Tính đến đầu năm 2020, cả nước có khoảng 491 doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (sau đây gọi chung là DNNN), tập trung hoạt động trong một số ngành, lĩnh vực: (i) Quốc phòng an ninh (chiếm khoảng 17%); (ii) Nông, lâm nghiệp và công trình thủy lợi (40%); (ii) Hoạt động xỏ số (13%); (iii) Hoạt động công ích (đô thị, chiếu sáng, cấp thoát nước...) (14%);

⁹ Theo Quyết định số 2680/QĐ-BTC ngày 16/12/2019 của Bộ Tài chính

¹⁰ Số liệu Cục phát triển Doanh nghiệp – Bộ Kế hoạch và Đầu tư

(iv) Hoạt động trong các ngành, lĩnh vực khác kết hợp mục tiêu sản xuất kinh doanh và mục tiêu dẫn dắt toàn bộ nền kinh tế (16%)¹¹.

Trong năm 2020, đã cổ phần hóa được 09 doanh nghiệp, tuy nhiên trong đó chỉ có 03 doanh nghiệp thuộc Danh mục các doanh nghiệp cổ phần hóa theo Quyết định số 26/2019/QĐ-TTg ngày 15/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

Trong năm 2020, cả nước đã thoái được 2.506 tỷ đồng, thu về 5.967 tỷ đồng, trong đó thoái vốn tại 14 doanh nghiệp theo kế hoạch của Thủ tướng Chính phủ ban hành với giá trị 1.789 tỷ đồng, thu về 4.619 tỷ đồng¹². Lũy kế tổng số thoái vốn từ năm 2016-2020: thoái 27.312 tỷ đồng, thu về 177.397 tỷ đồng, gấp 6,5 lần giá trị sổ sách (cao hơn so với giai đoạn 2011-2015 cả về giá trị và hiệu quả thoái vốn) trong đó bao gồm số thoái vốn của SCIC tại 136 doanh nghiệp (giá vốn 6.758 tỷ đồng, thu về 37.185 tỷ đồng). Có nhiều thương vụ thoái vốn đạt hiệu quả cao như SCIC thoái vốn tại Vinamilk, Bộ Công Thương thoái vốn tại Sabeco...

Trong năm 2020, Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp đã chuyển 16.700 tỷ đồng vào NSNN. Lũy kế từ năm 2016 đến hết năm 2020, đã chuyển 221.700 tỷ đồng từ Quỹ vào NSNN (chiếm 90% kế hoạch) cả giai đoạn.

Một số bất cập, hạn chế trong cơ chế, chính sách cổ phần hóa và thoái vốn đã xác định rõ nhưng việc hoàn chỉnh, ban hành cơ chế để thúc đẩy quá trình này còn chậm. Cụ thể như: Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ được ban hành nhưng quy định chưa rõ điều khoản chuyển tiếp và chưa kịp thời ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện nên cũng làm ảnh hưởng đến tiến trình sắp xếp, cổ phần hóa, thoái vốn.

Dự kiến đóng góp của khu vực DNNN vào ngân sách nhà nước năm 2020 ước đạt 178 nghìn tỷ đồng, chiếm khoảng 12% tổng thu ngân sách nhà nước năm 2020¹³.

(Đề nghị Bộ Tài chính cập nhật tình hình tài chính của DNNN hết năm 2020)

5. Về tình hình DN niêm yết trên thị trường chứng khoán

Vượt qua đại dịch Covid-19, thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam đã kết thúc năm 2020 bằng một kết quả tăng trưởng ngoạn mục, mang lại lợi nhuận cho hàng trăm nghìn nhà đầu tư lớn, nhỏ. Đại dịch Covid-19 bắt đầu ảnh hưởng tới TTCK Việt Nam từ cuối tháng 1/2020, đã dẫn đến một đợt sụt giảm nhanh và mạnh chưa từng thấy. VN-Index chỉ trong hai tháng sau đó đã sụt giảm 33,51%, xuống mức thấp nhất trong vòng ba năm.

¹¹ Theo công văn số 991/TTg-ĐMDN ngày 10/7/2017 và Quyết định số 26/2019/QĐ-TTg ngày 15/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ thì kế hoạch cổ phần hóa giai đoạn 2017 - 2020 là 128 DN

¹² Ngày 29/6/2020, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 908/QĐ-TTg phê duyệt danh mục có vốn nhà nước thực hiện thoái vốn đến hết năm 2020.

¹³ Theo Quyết định số 2680/QĐ-BTC ngày 16/12/2019 của Bộ Tài chính về việc công bố công khai số liệu dự toán NSNN năm 2020.

Sau khi dịch bệnh trong nước được kiểm soát, theo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN), TTCK Việt Nam đã phục hồi nhanh và mạnh, thuộc top đầu thế giới. TTCK Việt Nam đã đóng cửa năm 2020 với mức hồi phục ấn tượng, tăng xấp xỉ 15% so với cuối năm 2019 và được đánh giá là 1 trong 10 thị trường chứng khoán tăng trưởng tốt nhất thế giới. Giá trị giao dịch bình quân phiên của cả 3 sàn đạt 7.396 tỷ, tăng tới 59% so với năm trước. Kết thúc năm 2020, chỉ số VN Index vượt 1.100 điểm, đạt 1103,87 điểm, tăng mạnh tới 67% so với thời điểm thấp nhất của năm 2020, tăng 14,9% so với thời điểm cuối năm 2019; chỉ số HNX Index đạt 203,12 điểm, tăng gần 119% so với thời điểm cuối quý I/2020 và tăng 98,1% so với cuối năm 2019; UPCOM-Index đạt 74,45 điểm, tăng hơn 31,6%.

Tính đến hiện tại, hiện có 928 công ty niêm yết, trong đó số lượng các DN niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Tp.HCM (HSX) là 512 công ty; Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là 416 công ty; 1011 công ty chưa niêm yết tham gia giao dịch chứng khoán UPCOM

[Đề nghị Ủy ban chứng khoán Nhà nước – cập nhật tình hình huy động vốn của các doanh nghiệp thuộc 3 khu vực DNNN, DN dân doanh, DN FDI/vốn đầu tư nước ngoài thông qua sàn giao dịch chứng khoán trong năm 2020)]

6. Về DN tham gia hoạt động xuất nhập khẩu

Năm 2020, trong bối cảnh kinh tế thế giới chịu ảnh hưởng nặng nề từ Covid-19, mặc dù xuất khẩu của các nước trong khu vực đều giảm so với năm trước, xuất khẩu của Việt Nam năm 2020 vẫn đạt được mức tăng trưởng dương, kim ngạch xuất khẩu ước đạt gần 281,5 tỷ USD, tăng 6,5% so với năm 2019.

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa tăng 1,6 lần từ 327,8 tỷ USD năm 2015 lên khoảng 517,7 tỷ USD năm 2019 và năm 2020 mặc dù chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch Covid-19 vẫn đạt khoảng 543,9 tỷ USD. Kim ngạch xuất khẩu giai đoạn 2016 - 2020 tăng từ 176,58 tỷ USD năm 2016 lên gần 281,5 tỷ USD. Tăng trưởng xuất khẩu giai đoạn 2016 -2020 đạt trung bình khoảng 11,7%/năm. Năm 2020, xuất siêu ghi nhận mức kỷ lục gần 19,1 tỷ USD. Mức thặng dư năm 2020 cao hơn mức thặng dư năm 2019 (10,87 tỷ USD) và năm 2018 (6,83 tỷ USD), gấp hơn 9 lần so với mức thặng dư năm 2017 (2,11 tỷ USD) và gấp gần 11 lần so với mức thặng dư năm 2016 (1,78 tỷ USD).¹⁴

Cơ cấu hàng hóa xuất khẩu tiếp tục cải thiện theo chiều hướng tích cực, giảm hàm lượng xuất khẩu thô, tăng xuất khẩu sản phẩm chế biến, sản phẩm công nghiệp, phù hợp với lộ trình thực hiện Chiến lược phát triển xuất nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2011 - 2020, định hướng đến năm 2030, tạo điều kiện cho hàng hóa Việt Nam tham gia sâu hơn vào chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu. Khác với các năm trước đây, động lực tăng trưởng xuất khẩu trong 2 năm qua không đến từ nhóm nông sản, thủy sản mà đến từ các mặt hàng thuộc nhóm

¹⁴ Số liệu Bộ Công Thương

công nghiệp. Cụ thể, trong khi xuất khẩu nhóm nông sản, thủy sản năm 2020 ước giảm 2,5%; nhóm hàng nhiên liệu và khoáng sản giảm 35% thì nhóm hàng công nghiệp chế biến tăng 7% so với cùng kỳ năm 2019. Tỷ trọng nhóm hàng công nghiệp chế biến chiếm trên 86,1% tổng kim ngạch xuất khẩu, cao hơn mức 84,2% của năm 2019; 82,9% của năm 2018 và 81,1% của năm 2017.

Quy mô các mặt hàng xuất khẩu tiếp tục được mở rộng. Số mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu từ 1 tỷ USD trở lên đã tăng qua các năm, chiếm tỷ trọng lớn trong tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước. Năm 2011 có 21 mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 81% tổng kim ngạch xuất khẩu; năm 2016 tăng lên thành 25 mặt hàng với tỷ trọng chiếm khoảng 88,7%. Đến năm 2020 là 31 mặt hàng (trong đó có 9 mặt hàng xuất khẩu trên 5 tỷ USD và 6 mặt hàng xuất khẩu trên 10 tỷ USD), chiếm tỷ trọng 92% tổng kim ngạch xuất khẩu.

Cơ cấu sản phẩm có sự dịch chuyển tích cực khi tỷ trọng sản phẩm công nghệ cao và vừa của Việt Nam đã tăng lên đáng kể, tạo cơ sở hình thành một số tập đoàn công nghiệp tư nhân có quy mô lớn, có khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế; điển hình là công nghiệp ô tô Việt Nam, lần đầu tiên khẳng định sự tự chủ trong đầu tư, sản xuất, làm chủ công nghệ và tham gia chuỗi giá trị toàn cầu. Tỷ trọng hàng hóa xuất khẩu qua chế biến trong tổng giá trị xuất khẩu tăng từ 65% năm 2016 lên 85% năm 2020; Tỷ trọng giá trị xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao tăng từ 44,3% năm 2016 lên 49,8% năm 2020.

Tuy nhiên, theo số liệu của Tổng cục Hải quan, tổng giá trị kim ngạch xuất khẩu năm 2020 (282,65 tỷ USD) chủ yếu vẫn do khu vực DN FDI đóng góp với khoảng 72%. Tổng trị giá xuất nhập khẩu của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) trong năm 2020 đạt lên 202,89 tỷ USD, tăng 10,7% so với năm trước.

[Bộ Công Thương, Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) cập nhật số liệu xuất khẩu của doanh nghiệp thuộc 03 khu vực: DNNN, DN dân doanh, DN FDI]

II. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN DN TRONG 05 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

1. Khái quát chung về tình hình hoạt động của DN 05 tháng đầu năm 2021¹⁵

Số doanh nghiệp thành lập mới trong 5 tháng năm 2021 là 55.769 doanh nghiệp, tăng 15,4% so với cùng kỳ năm 2020. Đây là số doanh nghiệp thành lập mới cao nhất trong giai đoạn 5 tháng đầu năm trong giai đoạn 2016-2021. Sự gia tăng số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới thể hiện niềm tin và sự kỳ vọng của cộng đồng doanh nghiệp đối với triển vọng phát triển kinh tế thời gian tới. Tổng số vốn đăng ký bổ sung vào nền kinh tế trong 5 tháng năm 2021 là 2.278.416 tỷ đồng (tăng 65,7% so với cùng kỳ năm 2020), trong đó, số vốn đăng ký của

¹⁵ Số liệu của Tổng cục thống kê

doanh nghiệp thành lập mới là 1.303.327 tỷ đồng (tăng 133,6% so với cùng kỳ năm 2020). Có 19.066 doanh nghiệp đang hoạt động đăng ký tăng vốn trong 5 tháng năm 2021 (tăng 26,6 % so với cùng kỳ năm 2020), số vốn đăng ký tăng thêm của các doanh nghiệp đang hoạt động đạt 975.089 tỷ đồng (tăng 19,3% so với cùng kỳ năm 2020). Vốn đăng ký bình quân trên một doanh nghiệp trong 5 tháng năm 2021 đạt 23,4 tỷ đồng, tăng 102,4% so với cùng kỳ năm 2020. (Vốn đăng ký tăng đột biến là do có 02 doanh nghiệp tại Thành phố Hồ Chí Minh đăng ký thành lập mới vào ngày 20/05/2021 với số vốn đăng ký lần lượt là 25.000 tỷ đồng và 500.000 tỷ đồng. Trường hợp không tính 02 doanh nghiệp này thì vốn đăng ký của doanh nghiệp thành lập mới trong 05 tháng đầu năm 2021 của cả nước là 778.327 tỷ đồng, tăng 39,5% so với cùng kỳ 2020, vốn đăng ký bình quân đạt 14 tỷ đồng, tăng 20,9% so với cùng kỳ 2020). Tổng số lao động đăng ký của các doanh nghiệp thành lập mới trong 5 tháng năm 2021 là 412.421 lao động, tăng 1,3% so với cùng kỳ năm 2020. Số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động trong 5 tháng năm 2021 là 22.564 doanh nghiệp, tăng 3,9% so với cùng kỳ năm 2020.

Số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường trong 5 tháng năm 2021 tiếp tục có sự gia tăng, với 59.820 doanh nghiệp, tăng 23% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, có 31.818 doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh, chiếm đến 53,2% tổng số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường trong 5 tháng năm 2021. Số lượng doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh trong 5 tháng năm 2021 là 31.818 doanh nghiệp, tăng 22,3% so với cùng kỳ năm 2020. Trong 5 tháng năm 2021, số doanh nghiệp chờ làm thủ tục giải thể là 19.979 doanh nghiệp, tăng 20,7% so với cùng kỳ năm 2020. Số doanh nghiệp đã giải thể, chấm dứt tồn tại trong 5 tháng năm 2021 là 8.023 doanh nghiệp, tăng 32,3% so với cùng kỳ năm 2020.

Cũng trong 5 tháng đầu năm nay, có 59,8 nghìn doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể và hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 23% so với cùng kỳ năm 2020, bao gồm: 31,8 nghìn doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, tăng 22,3% so với cùng kỳ năm trước; 20 nghìn doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể, tăng 20,7%; 8 nghìn doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 32,3%. Trung bình mỗi tháng có gần 12 nghìn doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường.

2. Về tình hình hoạt động của DN có vốn đầu tư nước ngoài (FDI)¹⁶

Tính lũy kế đến ngày 20/5/2021, cả nước có 33.615 dự án còn hiệu lực với tổng vốn đăng ký 396,86 tỷ USD. Vốn thực hiện lũy kế của các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài ước đạt 240 tỷ USD, bằng 60,5% tổng vốn đầu tư đăng ký còn hiệu lực. Tính đến 20/5/2021, Vốn thực hiện của dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài ước đạt 7,15 tỷ USD, tăng 6,7% so với cùng kỳ năm 2020.

¹⁶ Số liệu Cục Đầu tư nước ngoài – Bộ kế hoạch và Đầu tư

Tổng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam tính đến ngày 20/5/2021 bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 14 tỷ USD, tăng 0,8% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó có 613 dự án được cấp phép mới với số vốn đăng ký đạt 8,83 tỷ USD, giảm 49,4% về số dự án và tăng 18,6% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước; có 342 lượt dự án đã cấp phép từ các năm trước đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư với số vốn tăng thêm đạt 3,86 tỷ USD, tăng 11,7%; có 1.422 lượt góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài với tổng giá trị góp vốn 1,31 tỷ USD, giảm 56,3%. Trong tổng số lượt góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài có 430 lượt góp vốn làm tăng vốn điều lệ của doanh nghiệp với giá trị vốn góp là 500,8 triệu USD và 992 lượt nhà đầu tư nước ngoài mua lại cổ phần trong nước mà không làm tăng vốn điều lệ với giá trị 807,2 triệu USD. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện 5 tháng đầu năm 2021 ước tính đạt 7,15 tỷ USD, tăng 6,7% so với cùng kỳ năm trước.

Mặc dù vẫn bị ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, song nhiều doanh nghiệp ĐTNN tiếp tục phục hồi và duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh tốt. Vốn đầu tư thực hiện của các dự án ĐTNN trong 5 tháng đầu năm tăng 6,7% so với cùng kỳ. Vốn đầu tư đăng ký mới vẫn tiếp tục tăng trong 5 tháng đầu năm 2021, cùng với vốn đăng ký điều chỉnh đã tăng trở lại (tăng 11,7%) sau khi giảm trong 4 tháng, góp phần làm tổng vốn đầu tư đăng ký trong 5 tháng tăng nhẹ 0,8% so với cùng kỳ năm 2020. Quy mô bình quân của các dự án cấp mới và các dự án điều chỉnh vốn đều tăng so với cùng kỳ năm 2020 (từ 2,2 triệu USD/dự án mới trong 5 tháng năm 2020 tăng lên 14,4 triệu USD/dự án mới trong 5 tháng năm 2021 và từ 7,9 triệu USD/lượt dự án điều chỉnh vốn lên trên 11,3 triệu USD/lượt dự án điều chỉnh vốn).

3. Về tình hình hoạt động của DNNN

[Đề nghị Bộ Tài chính cập nhật số liệu về hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước 5 tháng đầu năm 2021]

4. Về tình hình huy động vốn của các DN trên thị trường chứng khoán¹⁷

Đến ngày 28/5/2021, chỉ số VN-Index đạt 1.303,57điểm, tăng 18,1% so với cuối năm 2020, quy mô vốn hóa đạt 6.371 nghìn tỷ đồng, tăng 20,4% so với cuối năm 2020, giá trị giao dịch bình quân khoảng 20,5 nghìn tỷ đồng/phiên trong 5 tháng đầu năm. Hiện nay có 762 cổ phiếu, chứng chỉ quỹ niêm yết trên 2 Sở giao dịch chứng khoán; 914 cổ phiếu đăng ký giao dịch trên UPCOM.

[Đề nghị Ủy ban chứng khoán Nhà nước – cập nhật thực trạng, tình hình huy động vốn của các doanh nghiệp thuộc 3 khu vực DNNN, DN dân doanh, DN FDI/vốn đầu tư nước ngoài thông qua sàn giao dịch chứng khoán trong 5 tháng đầu năm 2021)]

¹⁷ Báo cáo số 3260/BC-BKHDT ngày 30/5/2021 về tình hình kinh tế xã hội tháng 5 và 5 tháng 2021 – Bộ KHĐT

5. Về hoạt động xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp

Kể từ khi Hiệp định EVFTA có hiệu lực đến hết ngày 18 tháng 12 năm 2020, các tổ chức được uỷ quyền đã cấp gần 62.500 bộ chứng nhận xuất xứ (C/O) để hưởng ưu đãi tại thị trường EU với kim ngạch 2,35 tỷ USD. Các mặt hàng đã được cấp C/O chủ yếu là giày dép, thủy sản, nhựa và các sản phẩm cà phê, hàng dệt may, túi xách, va li, rau quả, sản phẩm mây, tre, đan; nông sản; hàng điện tử... Điều này cho thấy, hiệu quả khai thác lợi ích ngay sau khi Hiệp định được đưa vào thực thi là rất tốt.

Đối với thị trường các nước CPTPP, kể từ khi Hiệp định có hiệu lực, kim ngạch xuất khẩu sang các thị trường là thành viên CPTPP đạt mức tăng tích cực. Năm 2020, xuất khẩu sang Canada duy trì mức tăng trưởng dương, đạt 4,35 tỷ USD, tăng 11,9%; xuất khẩu sang Mexico đạt 3,17 tỷ USD, tăng 12,2%...¹⁸

Các Hiệp định thương mại thế hệ mới như CPTPP, EVFTA, UKFTA sẽ tiếp tục tạo điều kiện để hàng hóa của Việt Nam thâm nhập vào các thị trường đối tác với thuế quan ưu đãi hơn cùng với những cam kết về tạo thuận lợi giảm thiểu các rào cản. Kể từ khi EVFTA có hiệu lực vào tháng 8/2020, tốc độ tăng trưởng xuất khẩu sang EU đã dần được cải thiện và tăng 18% trong 3 tháng đầu năm 2021. Tương tự, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang các đối tác trong Hiệp định CPTPP cũng đạt mức tăng trưởng cao trong 3 tháng đầu năm 2021 như: Canada tăng 13,7%, Australia tăng 17%, Chilê tăng 25,6%, Mexico tăng 12,7%, New Zealand tăng 35,1%... Kim ngạch xuất khẩu sang thị trường Anh cũng tăng 22,1% trong 3 tháng đầu năm nay. Việc tận dụng khá tốt những lợi thế từ các Hiệp định thương mại tự do sẽ là một trong những yếu tố quan trọng thúc đẩy xuất khẩu của Việt Nam trong thời gian tới.¹⁹

Theo số liệu thống kê 05 tháng đầu năm 2021, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa cả nước ước đạt 130,94 tỷ USD, tăng 30,7% so với cùng kỳ năm trước.

Trong đó, xuất khẩu của khu vực kinh tế trong nước đạt 33,06 tỷ USD, tăng 16,6%, chiếm 25,2% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 97,88 tỷ USD, tăng 36,3%, chiếm 74,8%.

Cũng trong 5 tháng đầu năm 2021, có 22 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 87,3% tổng kim ngạch xuất khẩu (trong đó, 6 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 5 tỷ USD, chiếm 63,8%).

Về cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu 5 tháng qua, nhóm hàng công nghiệp nặng và khoáng sản ước đạt 70,7 tỷ USD, tăng 33% so với cùng kỳ năm trước. Nhóm hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp ước tính đạt 47,32 tỷ USD, tăng 33%. Nhóm hàng nông, lâm sản đạt 9,69 tỷ USD, tăng 13,5%. Nhóm hàng thủy sản đạt 3,24 tỷ USD, tăng 12% so với cùng kỳ 2020.

¹⁸ Báo cáo tổng kết công tác năm 2020 của Bộ Công thương

¹⁹ Báo cáo Tình hình sản xuất công nghiệp và hoạt động thương mại 3 tháng đầu năm 2021 của Bộ Công thương

Về thị trường xuất khẩu, Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 37,6 tỷ USD, tăng 49,8% so với cùng kỳ năm trước; tiếp theo là Trung Quốc đạt 20,1 tỷ USD, tăng 26%; thị trường EU đạt 16,1 tỷ USD, tăng 20,8%; thị trường ASEAN đạt 11,5 tỷ USD, tăng 23,7%; Hàn Quốc đạt 8,9 tỷ USD, tăng 17,1%; Nhật Bản đạt 8,4 tỷ USD, tăng 7,7% so với cùng kỳ 2020.

III. NHỮNG CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP HỖ TRỢ DN TRONG NĂM 2020 VÀ 5 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

1. Một số chính sách, giải pháp hỗ trợ DN trong năm 2020

1.1. Về cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho DN

Trong năm 2020, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành một số văn bản quan trọng nhằm đẩy mạnh công tác chỉ đạo, điều hành, cải cách thủ tục hành chính, phát triển ứng dụng công nghệ thông tin, tạo dựng môi trường kinh doanh thuận lợi, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp bị tác động bởi dịch bệnh Covid-19, như: Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 1/1/2020 về tiếp tục thực thi những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2018 và những năm tiếp theo. Các Nghị quyết về: Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025; giải pháp khuyến khích, thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp hiệu quả, an toàn và bền vững; Đề án thúc đẩy mô hình kinh tế chia sẻ,...; Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 Về nâng cao năng lực tiếp cận cuộc CMCN lần thứ 4; Nghị quyết số 115/NQ-CP ngày 6/8/2020 Về các giải pháp thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ; Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 38/6/2020 Phê duyệt "Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030"; Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 4/3/2020 về các nhiệm vụ, giải pháp cấp bách tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội ứng phó với dịch Covid-19; Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

Tính đến tháng 5 năm 2020, tổng số dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 đang được các Bộ, ngành, địa phương cung cấp cho người dân, doanh nghiệp là hơn 56.000 dịch vụ, trong đó số dịch vụ công trực tuyến mức 4 là gần 17.000. Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức 3, 4 có phát sinh hồ sơ trực tuyến là 25,62%²⁰.

Thủ tướng Chính phủ luôn dành sự quan tâm rất lớn cho các hoạt động đối thoại, lắng nghe trực tiếp ý kiến của cộng đồng doanh nghiệp. Hàng năm, Thủ tướng Chính phủ đều trực tiếp chủ trì các Hội nghị "Thủ tướng với doanh nghiệp" đồng thời chủ trì nhiều diễn đàn kinh tế lớn và các diễn đàn/hội nghị chuyên đề nhằm lắng nghe và chia sẻ những khó khăn, vướng mắc, tiếp nhận đề

²⁰ Báo cáo của Bộ Thông tin và Truyền thông.

xuất, sáng kiến của cộng đồng doanh nghiệp để kịp thời có các giải pháp, chính sách hỗ trợ tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy doanh nghiệp phát triển.²¹

Chính phủ tiếp tục ban hành và thực hiện nhiều giải pháp nhằm tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo (Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 18/2/2020 về tạo điều kiện cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; Chỉ thị số 02/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghệ Việt Nam). Đồng thời để thúc đẩy doanh nghiệp khu vực tư nhân tăng trưởng chất lượng và hiệu quả bền vững: Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1362/QĐ-TTg ngày 11 tháng 10 năm 2019 phê duyệt Kế hoạch phát triển bền vững doanh nghiệp khu vực tư nhân đến năm 2025, tầm nhìn 2030.

1.2. Về hỗ trợ DN ứng phó với COVID-19

Để hỗ trợ nền kinh tế, chia sẻ gánh nặng và khó khăn với các doanh nghiệp ngay trong lúc dịch còn đang diễn ra, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 04/3/2020, chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương thực hiện ngay 07 nhóm nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, hướng tới các đối tượng là các doanh nghiệp, người lao động bị mất việc làm, bị ảnh hưởng, góp phần tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội.

Ngày 09/5/2020, Thủ tướng Chính phủ đã chủ trì Hội nghị với doanh nghiệp (Hội nghị được truyền hình trực tiếp và trực tuyến tới cộng đồng gần 800 nghìn doanh nghiệp và nhân dân cả nước) nhằm khích lệ động viên tinh thần doanh nhân nỗ lực vượt khó, kịp thời nắm bắt, lắng nghe các kiến nghị, đề xuất của cộng đồng doanh nghiệp. Ngày 29/5/2020, Chính phủ ban hành Nghị quyết 84/NQ-CP về các nhiệm vụ, giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công và bảo đảm trật tự an toàn xã hội trong bối cảnh đại dịch Covid-19. Hiện nay, các Bộ, ngành và địa phương đang tích cực thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp được giao.

Ngày 19/10/2020, Chính phủ tiếp tục ban hành Nghị quyết số 154/NQ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 42/NQ-CP; Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 32/2020/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung một số điều Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg để đẩy nhanh quy trình, thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp thuận tiện hơn.

Theo báo cáo Kho bạc Nhà nước đến cuối tháng 01/2021, đã thực hiện giải ngân 12.932,4 tỷ đồng để thực hiện hỗ trợ cho 13.025.830 người và 32.409 hộ kinh doanh, trong đó nhóm người lao động đã được hỗ trợ là 1.145.065 người với kinh phí là 1.124,4 tỷ đồng (Hỗ trợ 1.518,9 tỷ đồng cho 1.018.058 người có công với cách mạng và thân nhân; 5.955,556 tỷ đồng cho 7.970.218 người thuộc

²¹ Hội nghị Thủ tướng Chính phủ với doanh nghiệp năm 2016, 2017, 2018 (về thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp), 2019, 2020.

hộ nghèo, hộ cận nghèo; 4.293,33 tỷ đồng cho 2.892.489 người là đối tượng bảo trợ xã hội; hỗ trợ 78,658 tỷ đồng cho 58.162 người lao động tạm hoãn hợp đồng, nghỉ việc không hưởng lương; 903,99 tỷ đồng cho 947.723 người lao động không có giao kết hợp đồng bị mất việc; 141,756 tỷ đồng cho 139.180 người lao động bị chấm dứt hợp đồng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp; hỗ trợ 40,187 tỷ đồng cho 32.409 hộ kinh doanh.

Theo thống kê của các Trung tâm dịch vụ việc làm 63 tỉnh, thành phố, từ đầu năm 2020 đến cuối tháng 01/2021, cả nước có 1,105 triệu người được hưởng trợ cấp thất nghiệp, với tổng số tiền trợ cấp là 18.900 tỷ đồng (mức hưởng bình quân là trên 3 triệu đồng/người/tháng).

Theo báo cáo của Bảo hiểm xã hội Việt Nam, hiện có 755 đơn vị sử dụng lao động được giải quyết tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí, tử tuất cho 97.626 người lao động, với tổng kinh phí trên 471,88 tỷ đồng.

Về hỗ trợ vay trả lương ngừng việc, theo báo cáo của Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội 56 tỉnh, thành phố, kết quả cho vay đến cuối tháng 01/2021 thực hiện giải ngân với tổng dư nợ là 38,267 tỷ đồng cho 238 người sử dụng lao động để trả lương ngừng việc cho 10.370 người lao động.

Như vậy, tổng kinh phí đã thực hiện hỗ trợ cho trên 14,271 triệu lượt người dân thông qua chi trả trực tiếp hoặc các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, cho vay vốn để trả lương ngừng việc là 32.342,528 tỷ đồng.²²

Cụ thể một số chính sách được ban hành như sau:

Về gia hạn thời hạn nộp thuế, tiền thuê đất; ưu đãi thuế cho DNNVV

Trong quý II năm 2020, Chính phủ đã trình Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội (UBTVQH) ban hành 04 Nghị quyết gồm: Nghị quyết số 107/2020/QH14 ngày 10/6/2020 của Quốc hội về miễn, giảm thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đến năm 2020; Nghị quyết số 116/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ đồng; Nghị quyết số 954/2020/UBTVQH14 ngày 2/6/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về điều chỉnh tăng mức giảm trừ gia cảnh của người nộp thuế (từ 9 triệu đồng/tháng lên 11 triệu đồng/tháng) và người phụ thuộc (từ 3,6 triệu đồng/tháng lên 4,4 triệu đồng/tháng) để giảm nghĩa vụ thuế cho cá nhân và Nghị quyết số 979/2020/UBTVQH14 ngày 27/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giảm 30% mức thuế bảo vệ môi trường đối với nhiên liệu bay từ ngày 01/8/2020 đến hết ngày 31/12/2020 để hỗ trợ ngành hàng không.

²² Báo cáo tổng kết 5 năm tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP về hỗ trợ và phát triển DN đến năm 2020 của Bộ KHĐT

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 41/2020/NĐ-CP ngày 07/4/2020 cho phép gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất cho các đối tượng là doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân hoạt động sản xuất kinh doanh trong một số ngành nghề chịu tác động nặng nề, trực tiếp của dịch Covid-19, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ; Nghị quyết 42/NQ-CP ngày 09/4/2020 về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19, trong đó Nhà nước chia sẻ trách nhiệm với doanh nghiệp trong việc bảo đảm cuộc sống cho người lao động; Nghị định số 57/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 của Chính phủ sửa đổi Nghị định số 125/2017/NĐ-CP của Chính phủ về Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, trong đó đã giảm thuế suất thuế nhập khẩu đối với nhiều nhóm mặt hàng nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và thúc đẩy phát triển các ngành nông nghiệp, cơ khí, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp ô tô; Nghị định số 109/2020/NĐ-CP ngày 15/9/2020 của Chính phủ về gia hạn thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước; Quyết định số 22/2020/QĐ-TTg ngày 10/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc giảm 15% tiền thuê đất phải nộp của năm 2020 đối với các đối tượng trả tiền thuê đất hàng năm bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19 phải ngừng sản xuất kinh doanh từ 15 ngày trở lên.

Ngày 19/6/2020, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết 116/2020/QH14 về việc giảm thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác. Chính phủ đã ban hành Nghị định 114/2020/ND-CP ngày 25/9/2020 quy định chi tiết thi hành Nghị quyết 116/2020/QH14. Theo đó doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 đối với trường hợp doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ đồng.

Bên cạnh đó, Chính phủ đã thực hiện việc miễn thuế nhập khẩu đối với các mặt hàng khẩu trang y tế, nguyên liệu để sản xuất khẩu trang, nước rửa tay sát trùng,... để phục vụ việc phòng chống dịch bệnh, sửa đổi, bổ sung pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu để hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất, xuất nhập khẩu của doanh nghiệp. Cụ thể, Chính phủ ban hành 02 Nghị định (về lệ phí môn bài, lệ phí trước bạ) và Bộ Tài chính ban hành 21 Thông tư để sửa đổi 31 Thông tư thu phí, lệ phí hiện hành theo hướng miễn hoặc giảm mức thu nhiều khoản phí, lệ phí.

Về giảm chi phí kinh doanh

Trong thời gian sắp tới, để tiếp tục hỗ trợ doanh nghiệp, người dân vượt qua khó khăn và thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh, Chính phủ đang tiếp tục theo dõi sát tình hình thực tế để nghiên cứu việc xây dựng và triển khai các giải pháp hỗ trợ tiếp theo, trước mắt là:

- Tiếp tục giảm thuế bảo vệ môi trường đối với nhiên liệu bay trong năm 2021 theo Nghị quyết số 1148/2020/UBTVQH14 ngày 21/12/2020 vừa được Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành để hỗ trợ ngành hàng không.

- Tiếp tục thực hiện giảm mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội ứng phó với dịch bệnh Covid-19 từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021 theo Thông tư số 112/2020/TT-BTC ngày 29/12/2020 của Bộ Tài chính.

- Nghiên cứu cho phép được tính vào chi phí được trừ của doanh nghiệp, tổ chức các khoản chi ủng hộ, tài trợ cho các hoạt động phòng, chống dịch bệnh Covid-19 khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại khoản 8 Điều 3 Nghị quyết số 128/2020/QH14 của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2021.

- Tiếp tục thực hiện giảm giá điện, giảm tiền điện cho các đơn vị sản xuất kinh doanh để hỗ trợ khó khăn Covid-19. Năm 2020 đã thực hiện 3 đợt hỗ trợ giảm giá điện (i) Đợt 1 (tháng 4, 5, 6/2020): Tại Nghị quyết 41/NQ-CP ngày 09/4/2020 và được hướng dẫn tại Công văn 2698/BCT-ĐTĐL ngày 16/4/2020; (ii) Đợt 2 (tháng 10, 11, 12/2020): Tại Nghị quyết 180/NQ-CP ngày 17/12/2020 và được hướng dẫn Công văn 9764/BCT-ĐTĐL ngày 18/12/2020 và (iii) Đợt 3: Tại Nghị quyết 55/NQ-CP ngày 2/6/2021

- Bộ Công Thương đã kiến nghị²³ giảm giá điện để tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, trong đó: (i) đối với khách hàng sản xuất, đề xuất mức giảm 10% so với biểu giá tại Quyết định số 648/QĐ-BCT của Bộ Công Thương, hỗ trợ trong 3 tháng, từ tháng 4/2020; tổng số tiền hỗ trợ trên 6,1 nghìn tỷ đồng; (ii) đối với khách hàng du lịch, đề xuất giảm giá điện cho cơ sở lưu trú du lịch từ mức giá áp cho khách hàng kinh doanh dịch vụ xuống bằng mức giá áp cho hộ sản xuất; áp dụng trong 3 tháng, từ tháng 4/2020; tổng số tiền hỗ trợ hơn 1,8 nghìn tỷ đồng. Bộ Công Thương cũng đã yêu cầu EVN thực hiện hỗ trợ tiền điện từ tháng 4 đến tháng 6 năm 2020 cho các cơ sở trực tiếp chống dịch Covid với tổng số tiền ước khoảng 100 tỷ đồng.

Về hỗ trợ tín dụng

Ngày 02/4/2021, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Thông tư số 03/2021/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13 tháng 3 năm 2020 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid - 19.

Để tháo gỡ khó khăn cho nền kinh tế, trong năm 2020, Ngân hàng Nhà nước đã 3 lần điều chỉnh giảm đồng bộ các mức lãi suất với tổng mức giảm tới 1,5 đến 2,0%/năm lãi suất điều hành (là một trong các ngân hàng trung ương có mức cắt giảm lãi suất điều hành lớn nhất trong khu vực), giảm 0,6 đến

²³ Báo cáo số 22/BC-BCT ngày 01/4/2020 của Bộ Công Thương.

1,0%/năm trần lãi suất tiền gửi; giảm 1,5%/năm trần lãi suất cho vay đối với các lĩnh vực ưu tiên. Đồng thời chỉ đạo các tổ chức tín dụng (TCTD) tiết kiệm chi phí, giảm mạnh lãi suất cho vay, đặc biệt là các lĩnh vực ưu tiên. Nhờ đó, tính đến tháng 11/2020, mặt bằng lãi suất cho vay giảm bình quân khoảng 1%/năm so với cuối năm 2019; lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND đối với một số ngành, lĩnh vực ưu tiên ở mức 4,5%/năm. Các TCTD đã triển khai nhiều chương trình cho vay với lãi suất ưu đãi. Do cầu tín dụng suy yếu bởi tác động tiêu cực của đại dịch COVID-19 nên tín dụng tăng thấp hơn các năm trước. Đến 21/12/2020, tín dụng tăng 10,14% so với cuối năm 2019, tăng 11,62% so cùng kỳ 2019. Cụ thể:

- Ngày 16/3/2020, NHNN đã ban hành các Quyết định (số 418; 419; 420; 421; 422; 423) điều chỉnh tất cả các mức lãi suất điều hành, bao gồm: giảm lãi suất tái cấp vốn, lãi suất tái chiết khấu, lãi suất điều hành khác từ 0,5%-1%/năm; giảm trần lãi suất tiền gửi các kì hạn từ 0,25-0,3%. Ngày 31/3/2020, NHNN đã ban hành Chỉ thị số 02/CT-NHNN về các giải pháp cấp bách của ngành ngân hàng nhằm tăng cường phòng, chống và khắc phục khó khăn do tác động của dịch bệnh Covid-19; trong đó có giải pháp đẩy mạnh triển khai có hiệu quả các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch, như: cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi các khoản vay cũ, giữ nguyên nhóm nợ theo Thông tư 01/2020/TT-NHNN ngày 13/3/2020 và cho vay mới với lãi suất ưu đãi.

- Quyết định số 1349/QĐ-NHNN, lãi suất đối với tiền gửi dự trữ bắt buộc bằng VND là 0,5%/năm và lãi suất đối với tiền gửi vượt dự trữ bắt buộc bằng VND là 0%/năm, giảm 0,5% so với mức lãi suất trước đó được NHNN ban hành theo quyết định ký ngày 16/3/2020.

- Ngày 30/9/2020, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục điều chỉnh lãi suất điều hành tại Quyết định số 1728/QĐ-NHNN và Quyết định 1729/QĐ-NHNN và Quyết định 1730/QĐ-NHNN. Quyết định 1728/QĐ-NHNN ngày 30/9/2020 giảm lãi suất tái cấp vốn từ 4,5%/năm xuống 4,0%/năm; lãi suất tái chiết khấu từ 3,0%/năm xuống 2,5%/năm; lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của NHNN đối với các ngân hàng từ 5,5%/năm xuống 5,0%/năm. Quyết định 1729/QĐ-NHNN ngày 30/9/2020 quy định lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng là 0,2%/năm; lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng giảm từ 4,25%/năm xuống 4,0%/năm; lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng tại Quỹ tín dụng nhân dân, Tổ chức tài chính vi mô giảm từ 4,75%/năm xuống 4,5%/năm; lãi suất tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng trở lên do TCTD ấn định trên cơ sở cung - cầu vốn thị trường. Quyết định 1730/QĐ-NHNN ngày 30/9/2020 về điều chỉnh lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND của TCTD đối với khách hàng vay giảm từ 5,0%/năm xuống 4,5%/năm;

Lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND của Quỹ tín dụng nhân dân và Tổ chức tài chính vi mô đối với các nhu cầu vốn này giảm từ 6,0%/năm xuống 5,5%/năm.

Ngân hàng Nhà nước ban hành Quyết định 1941/QĐ-NHNN ngày 16/11/2020 công bố thủ tục tái cấp vốn với Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) để cho người sử dụng lao động vay trả lương ngừng việc theo Quyết định 15/2020/QĐ-TTg ngày 24/4/2020 và Quyết định 32/2020/QĐ-TTg ngày 19/10/2020.

Về hỗ trợ trả lương cho người lao động

Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (LĐTB&XH) có Công văn 4237/LĐTBXH-BHXH ngày 27/10/2020 hướng dẫn việc tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí, tử tuất: Người sử dụng lao động đã đóng đủ bảo hiểm xã hội đến hết tháng 01 năm 2020 và bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 dẫn đến phải giảm từ 20% lao động tham gia bảo hiểm xã hội trở lên tại thời điểm có văn bản đề nghị so với thời điểm tháng 01 năm 2020 được tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất tính từ tháng người sử dụng lao động có văn bản đề nghị nhưng không quá 03 tháng.

Quyết định số 32/2020/QĐ-TTg ngày 19/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19; Quyết định 1326/QĐ-LĐTBXH 04/11/2020 của Bộ LĐTB&XH công bố TTHC sửa đổi, bổ sung về thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19: Hỗ trợ người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động hoặc nghỉ việc không hưởng lương do đại dịch Covid-19 và Hỗ trợ người sử dụng lao động vay vốn để trả lương ngừng việc đối với người lao động phải ngừng việc do đại dịch Covid-19.

Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09/4/2020, Nghị quyết số 154/NQ-CP ngày 19/10/2020 sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19; Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24/4/2020, Quyết định số 32/2020/QĐ-TTg ngày 19/10/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19, Tổng Giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội đã ban hành văn bản hướng dẫn nghiệp vụ cho vay người sử dụng lao động để trả lương ngừng việc đối với người lao động: Mức cho vay tối đa 01 tháng của 01 khách hàng bằng 50% mức lương tối thiểu vùng (x) số người lao động bị ngừng việc và mỗi khách hàng được vay vốn không quá 03 tháng trong khoảng thời gian từ ngày 01/4/2020 đến hết ngày 31/12/2020; Lãi suất cho vay: 0%/năm. Lãi suất nợ quá hạn: 12%/năm;

Thời hạn cho vay do NHCSXH nơi cho vay và khách hàng thỏa thuận nhưng không quá 12 tháng, kể từ ngày giải ngân món vay đầu tiên.

1.3. Về bảo đảm quyền kinh doanh, quyền bình đẳng tiếp cận nguồn lực và cơ hội kinh doanh

Để thúc đẩy DN khu vực tư nhân tăng trưởng chất lượng và hiệu quả bền vững, Chính phủ đã ban hành: Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14 ngày 18/6/2020; Nghị định 47/2021/NĐ-CP ngày 01/04/2021 quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp; Nghị định 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 về đăng ký doanh nghiệp.

Sau 2 năm kể từ khi Luật Hỗ trợ DNNVV có hiệu lực thi hành, khung pháp lý hướng dẫn Luật đã được ban hành đầy đủ (gồm 05 Nghị định và 10 Thông tư). Cả nước có 56/63 địa phương xây dựng gần 200 kế hoạch, đề án hỗ trợ DNNVV, hỗ trợ DN khởi nghiệp. Một số tỉnh/thành phố đã chủ động và tích cực xây dựng và thực hiện các chính sách của địa phương về thúc đẩy khởi nghiệp và hỗ trợ DNNVV trên địa bàn như: Hà Nội, Thừa Thiên Huế, Đồng Tháp, Hà Tĩnh, Bà Rịa - Vũng Tàu,...

Trong giai đoạn 2016-2020, các Bộ, ngành đã tích cực nghiên cứu, xây dựng trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành nhiều chương trình, đề án hỗ trợ doanh nghiệp trong lĩnh vực xúc tiến mở rộng thị trường trong và ngoài nước, khai thác các hiệp định thương mại tự do; tiếp cận, ứng dụng công nghệ, đăng ký bảo hộ, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ; tiếp cận tín dụng, bảo lãnh tín dụng, tái cấu trúc thị trường chứng khoán; đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực bao gồm cấp quản lý và người lao động...

Các Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, Nghị quyết, Nghị định của Chính phủ đã ban hành nhiều giải pháp, chính sách hỗ trợ DN tháo gỡ khó khăn, ổn định, duy trì và phát triển sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, các bộ, ngành, địa phương cũng đã đề xuất và ban hành nhiều giải pháp, chính sách phòng, chống dịch và hỗ trợ sản xuất kinh doanh.

1.4. Về bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của DN

- Thời gian qua, Chính phủ đã tích cực rà soát và hoàn thiện khung pháp luật liên quan đến sở hữu tài sản và bảo vệ quyền sở hữu tài sản; bảo đảm quyền tự do hợp đồng và thực thi hiệu lực các hợp đồng; bảo đảm cạnh tranh công bằng, bình đẳng và kiểm soát độc quyền kinh doanh tiếp tục được bổ sung, sửa đổi để phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế- xã hội của đất nước.

Luật Doanh nghiệp (sửa đổi) vừa được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020 với nhiều điểm mới, tạo bước đột phá trong việc cải thiện môi trường kinh doanh

Nhiệm vụ sửa đổi Luật Thanh tra 2010 đã được Quốc hội đồng ý đưa vào chương trình xây dựng luật năm 2021, hướng tới hạn chế tình trạng chồng chéo, trùng lặp trong hoạt động giữa các cơ quan thanh tra với nhau và giữa các cơ quan thanh tra với các cơ quan chức năng khác, đặc biệt là với Kiểm toán Nhà nước.

2. Chính sách, giải pháp hỗ trợ DN trong 05 tháng đầu năm 2021

Trong năm 2021, Chính phủ Thủ tướng Chính phủ, các Bộ ngành tiếp tục ban hành các văn bản, chính sách nhằm hỗ trợ phát triển DN:

Chính phủ ban hành:

- Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 1/4/2021 quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp về doanh nghiệp xã hội, doanh nghiệp nhà nước, nhóm công ty, doanh nghiệp quốc phòng an ninh và công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước.

- Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 4/1/2021 về đăng ký doanh nghiệp quy định chi tiết về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh; quy định về cơ quan đăng ký kinh doanh và quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh. Bộ KH&ĐT ban hành Thông tư 01/2021/TT-BKHĐT hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp có hiệu lực từ ngày 01/5/2021 hướng dẫn biểu mẫu sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và hướng dẫn chi tiết một số vấn đề liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh.

- Nghị định số 52/2021/NĐ-CP ngày 19/04/2021 Gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2021

- Nghị định số 18/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định 134/2016/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư

- Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/03/2021 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

- Nghị định 44/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 của Chính phủ hướng dẫn thực hiện về chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN đối với khoản chi ủng hộ, tài trợ của doanh nghiệp, tổ chức cho các hoạt động phòng, chống dịch COVID-19: Doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản chi ủng hộ, tài trợ bằng tiền, hiện vật cho các hoạt động phòng, chống dịch Covid-19 tại Việt Nam thông qua các đơn vị nhận ủng hộ, tài trợ quy định tại Nghị định này. Nghị định này áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 và năm 2021.

- Quyết định số 81/2021/QĐ-TTg ngày 19/1/2021 của Thủ tướng chính phủ Phê duyệt Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2021 - 2025 (gọi tắt là Chương trình) nhằm: (i) triển khai đồng bộ, hiệu quả, công khai, minh bạch, ứng dụng thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, đáp ứng nhu cầu hỗ trợ pháp lý của doanh nghiệp; bảo đảm có trọng tâm, trọng điểm, thiết thực, phù hợp với khả năng cân đối nguồn lực; (ii) định hướng cho các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa của các bộ, ngành, địa phương; (iii) nâng cao hiểu biết, ý thức và thói quen tuân thủ pháp luật, hạn chế rủi ro, vướng mắc pháp lý trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ và vừa, thúc đẩy sự tham gia xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật kịp thời nhằm phục vụ doanh nghiệp phát triển, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật.

Bộ Tài chính ban hành:

- Thông tư 19/2021/TT-BTC hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế có hiệu lực từ ngày 03/5/2021.

- Thông tư 36/2021/TT-BTC ngày 26/05/2021 hướng dẫn một số nội dung về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015; Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 03 năm 2018; Nghị định số 121/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2020 và Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ.

- Thông tư 03/2021/TT-NHNN ngày 02/04/2021 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13 tháng 3 năm 2020 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid - 19

- Thông tư 41/2021/TT-BTC ngày 02/6/2021 hướng dẫn về tổ chức, hoạt động, quản lý, sử dụng và kế toán, quyết toán, công khai tài chính Quỹ vắc-xin phòng Covid-19 (Quỹ). Các tổ chức, doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN đối với các khoản tài trợ, hỗ trợ, đóng góp tự nguyện cho Quỹ theo quy định tại Nghị định 44/2021/NĐ-CP hướng dẫn thực hiện về chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN đối với các khoản chi ủng hộ, tài trợ của doanh nghiệp, tổ chức cho các hoạt động phòng, chống dịch Covid-19 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam: có Công văn 2059/TLĐ ngày 28/5/2021 về việc lùi thời điểm đóng kinh phí công đoàn đối với các doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19: các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 (doanh nghiệp có số lao động đang tham gia bảo hiểm xã hội phải tạm thời nghỉ việc từ 50% trong tổng số lao động thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc trở lên) được lùi thời điểm đóng kinh phí công đoàn đến ngày 31/12/2021.

(Các bộ, ngành cập nhật kết quả thực hiện các chính sách hỗ trợ đến hết tháng 5/2021)

III. KHÓ KHĂN, TỒN TẠI VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ CỦA CỘNG ĐỒNG DOANH NGHIỆP.

1. Khó khăn, tồn tại của doanh nghiệp trong thời gian qua²⁴

1.1 Hoạt động sản xuất kinh doanh bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh Covid-19.

Đại dịch Covid-19 diễn ra từ đầu năm 2020 đã tạo nên một sự xáo trộn lớn và có tác động rất tiêu cực đến phát triển kinh tế nói chung, trong đó khu vực doanh nghiệp chịu ảnh hưởng rất nặng nề. Các doanh nghiệp Việt Nam với sức cạnh tranh còn thấp, chủ yếu quy mô nhỏ và siêu nhỏ (chiếm trên 94%, DN quy mô vừa và lớn chiếm khoảng gần 6%) càng trở nên khó khăn hơn bao giờ hết.

Theo kết quả của một số cuộc khảo sát trong năm 2020²⁵ cho thấy: 81% doanh nghiệp được khảo sát gặp phải khó khăn do không có khách hàng/đơn hàng/hợp đồng tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ; 72% gặp khó khăn trong việc đảm bảo tiền trả lương, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; 53% gặp khó khăn về trả lãi vay ngân hàng (cả gốc và lãi); 45% gặp khó khăn trong việc chi trả tiền điện, nước và nhiên liệu đầu vào; 42% gặp khó khăn trong việc trả tiền thuê kho bãi, nhà xưởng, văn phòng, thiết bị. Theo khảo sát năm 2020 của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) phối hợp với Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam (WB) đối với 10.200 doanh nghiệp trên toàn quốc, đại dịch Covid-19 tác động rất tiêu cực đến doanh nghiệp tại Việt Nam. Trong đó, 87,2% doanh nghiệp cho biết, chịu ảnh hưởng ở mức “phần lớn” hoặc “hoàn toàn tiêu cực”. Chỉ 11% doanh nghiệp cho rằng họ “không bị ảnh hưởng gì” và gần 2% ghi nhận tác động “hoàn toàn tích cực” hoặc “phần lớn tích cực”; 84% doanh nghiệp tư nhân và 85% doanh nghiệp FDI có trên 20 năm hoạt động chịu ảnh hưởng bởi dịch COVID-19 ở mức phần lớn hoặc hoàn toàn tiêu cực.²⁶

²⁴ Báo cáo 8497/BC-BKHĐT ngày 22/12/2020 Bộ KHĐT

²⁵ Khảo sát của Ban IV, Tổng cục Thống kê

²⁶ Báo cáo tác động của dịch bệnh Covid-19 đối với doanh nghiệp Việt Nam: Một số phát hiện chính từ điều tra doanh nghiệp 2020

- Số lượng doanh nghiệp thành lập mới trong năm 2020 là 134.941 DN đã giảm 2,3% so với cùng kỳ năm 2019 (trong khi đó ở tất cả các năm trước đó đều tăng với tốc độ cao). Số lượng doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường đã tăng mạnh, trong năm 2020, có 101.719 DN rút lui khỏi thị trường, tăng 25,3% so với năm 2019. Số DN tạm ngừng kinh doanh là 46.592 DN, tăng 62,2% so với năm 2019 (28.731 DN).

- Số lượng việc làm đăng ký tại các doanh nghiệp trong năm 2020 là 1.042.995 người, giảm 16,9% so với năm 2019 (1.254.368 người)²⁷. Tính chung năm 2020, số lao động thiếu việc làm trong độ tuổi là gần 1,2 triệu người, tăng 277,8 nghìn người so với năm 2019. Tỷ lệ thiếu việc làm của lao động trong độ tuổi là 2,51%, trong đó tỷ lệ thiếu việc làm khu vực thành thị là 1,68%; khu vực nông thôn là 2,93% (tỷ lệ thiếu việc làm trong độ tuổi năm 2019 tương ứng là 1,50%; 0,76%; 1,87%). Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động năm 2020 là 2,48%, cao hơn 0,31 điểm phần trăm so với năm 2019; tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên (từ 15-24 tuổi) năm 2020 là 7,10%.²⁸

Bên cạnh đó, số người mất việc làm tại các doanh nghiệp thuộc khu vực tư nhân cũng rất đáng kể. Theo khảo sát của Tổng cục Thống kê, tính đến tháng 12 năm 2020, cả nước có 32,1 triệu người từ 15 tuổi trở lên bị ảnh hưởng tiêu cực bởi dịch Covid-19 bao gồm người bị mất việc làm, phải nghỉ giãn việc/nghỉ luân phiên, giảm giờ làm, giảm thu nhập, ... Trong đó, 69,2% người bị giảm thu nhập, 39,9% phải giảm giờ làm/nghỉ giãn việc/nghỉ luân phiên và khoảng 14,0% buộc phải tạm nghỉ hoặc tạm ngừng hoạt động sản xuất kinh doanh. Khu vực dịch vụ chịu ảnh hưởng nặng nề nhất bởi dịch Covid-19 với 71,6% lao động bị ảnh hưởng, tiếp đến là khu vực công nghiệp và xây dựng với 64,7% lao động bị ảnh hưởng; tỷ lệ lao động bị ảnh hưởng trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản là 26,4%.

- Hoạt động giao thương giữa Việt Nam và nhiều quốc gia bị đình trệ, đặc biệt là với nước láng giềng Trung Quốc (là thị trường rất quan trọng cả về xuất khẩu và nhập khẩu). Điều này đã ảnh hưởng lớn đến rất nhiều doanh nghiệp trong nước, đặc biệt là các doanh nghiệp sử dụng đầu vào lớn từ nguồn nhập khẩu và các doanh nghiệp xuất khẩu sang các thị trường chịu tác động lớn của đại dịch Covid-19.

Các khó khăn của DN tập trung vào 08 vấn đề chính sau: (1) Đơn hàng/hợp đồng tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ của các tất cả các DN đều giảm; (2) Doanh thu DN giảm; (3) Giá thành sản xuất hàng hóa tăng do chi phí đầu vào, chi phí lưu thông tăng trong khi giá bán giảm; (4) DN rất khó khăn trong việc thu xếp dòng tiền để trả lương, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; (5) Khó khăn trong việc vay, trả tiền vay ngân hàng cả gốc và lãi; (6) Khó khăn trả tiền thuê kho bãi, nhà xưởng, văn phòng

²⁷ Số liệu Cục Đăng ký kinh doanh/Bộ KHĐT

²⁸ Số liệu Tổng cục thống kê

thiết bị; (7) Lưu thông hàng hóa khó khăn, kể cả lưu thông trong nước, giữa các tỉnh, thành phố do có sự kiểm soát không thống nhất giữa các tỉnh thành trên phạm vi cả nước; (8) Khó khăn về tiếp cận các chính sách hỗ trợ của Nhà nước, đặc biệt việc tiếp cận nguồn vốn ưu đãi do các điều kiện khắt khe, không hợp lý, quy định hướng dẫn còn chung chung và nhiều điểm chưa rõ ràng, bất cập.

1.2. Khó khăn trong một số ngành nghề kinh doanh cụ thể:

a) Du lịch, nhà hàng, khách sạn:

Du lịch là một trong những ngành chịu thiệt hại nặng nề nhất bởi Covid-19. Ngành du lịch vừa cố gắng dậy sau năm 2020 bị tác động nặng nề của Covid-19 cùng với thiên tai lịch sử tại miền Trung, đang kỳ vọng vào dịp nghỉ Tết Nguyên đán thì lại hứng chịu tác động của đợt bùng phát dịch mới. Dẫn tới lượng khách đặt tour cho dịp nghỉ lễ Tết dương lịch và Tết âm lịch năm nay giảm hơn rất nhiều so với các năm do ảnh hưởng bởi đại dịch Covid -19. Các DN cung ứng dịch vụ du lịch đang gặp khó khăn về tài chính do không có doanh thu và rơi vào tình trạng kiệt quệ.

Theo phản ánh của Hiệp hội du lịch Việt Nam (VITA), hiện có đến 90 % DN không hoạt động, khoảng 10 % DN hoạt động cầm chừng. Các DN siêu nhỏ và nhỏ làm dịch vụ đại lý tour, đại lý vé phần lớn cho nghỉ việc 100% lao động, đối với DN lữ hành quốc tế cho nghỉ việc 60-90 % nhân sự của DN hiện đang nghỉ không lương. Các DN này đang cố gắng kích cầu du lịch nội địa (thường chiếm khoảng 20 % tổng doanh thu) để duy trì việc làm cho bộ phận nhân sự chủ chốt.

Quy định tiền ký quỹ 500 triệu/DN lữ hành quốc tế khiến DN bị đọng vốn. Trong tình cảnh khó khăn, khoảng 600 DN tạm rút giấy phép để lấy lại ký quỹ, cân đối tài chính. Giá điện của các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lưu trú vẫn bị áp giá điện dịch vụ, chưa được tính theo giá điện sản xuất, dẫn đến chi phí duy trì cao. Các DN lữ hành quốc tế bị mất tiền đặt cọc cho các hãng hàng không quốc tế 50-60 tỷ do hủy tour. Trong khi đó, các doanh nghiệp chưa nhận được hỗ trợ từ nhà nước.

b) Dệt may:

Lần đầu tiên sau 25 năm, kim ngạch xuất khẩu dệt may của Việt Nam tăng trưởng âm 10,5%, năm 2020 chỉ đạt 35 tỷ USD so với 39 tỷ USD năm 2019 (giảm 9,8%). Đầu năm 2021, kim ngạch xuất khẩu đạt 5,8 tỷ USD; tăng 4% so với cùng kỳ. Đơn hàng vẫn có nhưng giá bán giảm mạnh do nhu cầu giảm. Đặc biệt, đại dịch Covid-19 bùng phát lại đã và đang tác động tiêu cực đến ngành dệt may. Trong thời gian tới các DN dệt may sẽ còn khó khăn hơn trước nhất là về nguồn hàng để bảo đảm việc làm, duy trì hoạt động sản xuất. DN cũng không còn có những đơn hàng cũ và nguồn tiền dự phòng giảm dần. Theo các dự báo của DN, phải đến quý II/2022 hoặc chậm nhất là quý IV/2023, thị trường dệt may mới phục hồi cầu về ngưỡng năm 2019, với điều kiện dịch bệnh được kiểm soát và DN tận dụng tốt cơ hội từ các FTA.

Cùng với việc tổng cầu thế giới sụt giảm hơn 22%, từ 740 tỷ USD giảm xuống 600 tỷ USD, giá nhập khẩu hàng thời trang vào các thị trường lớn như Mỹ, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc cũng giảm sút ở mức độ chưa từng có trong nhiều thập kỷ qua. Cụ thể, trong năm 2020, nhu cầu hàng may mặc của EU và Hoa Kỳ giảm lần lượt là 45% và 40%. Giá nhập khẩu may mặc vào Hoa Kỳ đã giảm 13% so với cùng kỳ năm 2019; trong khi mức giảm trung bình của những năm trước chưa tới 1%.

Doanh thu, đặc biệt là lợi nhuận của DN dệt may bị giảm sút nghiêm trọng, khoảng 20% so với 2019. Bên cạnh chi phí đầu vào tăng, giá bán đầu ra giảm, các chi phí trung gian tăng như chi phí vận chuyển, logistics tăng cao từ 2-4 lần; thiếu container hàng rỗng... Đặc biệt, lưu thông hàng hóa giữa các tỉnh, thành phố có sự kiểm soát không thống nhất dẫn đến hàng hóa ùn ứ, nguyên vật liệu từ cảng Hải Phòng không lấy về được, không xuất/ bán được hàng hóa, sản phẩm.

Về việc tiếp cận các gói hỗ trợ của Chính phủ: DN đánh giá rất cao việc Chính phủ lắng nghe, tiếp thu ý kiến và đã xây dựng nhiều biện pháp hỗ trợ DN. Tuy tác dụng của các gói hỗ trợ đối với DN chưa được như mong muốn. Qua khảo sát nhanh của Hiệp hội, bên cạnh một số chính sách như giảm tiền thuê đất, giãn thuế, giảm tiền điện đi vào cuộc sống nhanh thì còn các chính sách hiệu quả thấp; ví dụ như gói an sinh xã hội áp dụng cho DN phải đóng cửa (điều kiện: 50% lao động của DN mất việc, không có doanh thu) thì mới tiếp cận được. Tuy nhiên, với các DN dệt may, nếu phải đóng cửa, cho công nhân nghỉ việc, ngay cả khi hết dịch, DN không thể tuyển được lao động để phục hồi sản xuất. Do đó, bằng mọi giá DN phải giữ chân người lao động. Tuy nhiên, khi áp dụng các giải pháp giữ chân được người lao động, DN dệt may không đủ điều kiện tiếp cận gói hỗ trợ.

c) Bán lẻ

Phần lớn DN bán lẻ bị giảm đến 70 % doanh số bán hàng trong năm 2020. Tuy hiện nay hầu hết các DN trong ngành bán lẻ đã hoạt động trở lại nhưng nhiều DN vẫn hoạt động dưới mức trước đại dịch. Khoảng ¼ số DN vẫn phải cắt giảm giờ làm việc. Tính trung bình trong tất cả các ngành, quy mô DN và vùng địa lý, số giờ hoạt động của các DN thấp hơn 6,7% so với cùng kỳ năm ngoái. Nhìn chung, các ngành bán lẻ, bán buôn và các DN quy mô vừa và lớn có tốc độ phục hồi nhanh hơn.

Nguyên nhân chính dẫn đến khó khăn hiện nay của DN bán lẻ là do cầu giảm, chủ yếu do số đơn hàng mới giảm. Ngoài ra, các DN còn bị thanh toán chậm, trì hoãn việc nhận hàng làm tăng chi phí bảo quản, lưu kho. Bên cạnh đó, việc nguồn cung đầu vào giảm dẫn tới phải hủy hợp đồng bán hàng do không đủ vật tư đầu vào, nhiều DN cũng gặp khó khăn do thời gian chờ đợi kéo dài hay gặp vấn đề về kho vận, chi phí vận chuyển.

d) Cơ khí, chế tạo, ô tô

Năm 2020, số lượng đơn hàng/hợp đồng mua bán hàng hóa và dịch vụ giảm đáng là khó khăn lớn nhất của đại bộ phận DN ngành cơ khí, chế tạo. Thêm vào đó, nhu cầu giao thương đi lại hạn chế do tình hình dịch bệnh Covid-19, dẫn đến doanh số giảm, đã tác động mạnh mẽ đến DN ngành cơ khí, chế tạo. Việc tăng cước vận chuyển cùng với việc kéo dài thời gian làm thủ tục nhận hàng đã kéo giá cả vật tư thiết bị tăng 30% so với thời gian trước, đồng thời làm chậm tiến độ thực hiện dự án. Ngoài ra nhiều DN cũng phải đối mặt với việc tăng chi phí cho chuyên gia (cách ly, xin visa cho các chuyên gia). Các DN cũng phản ánh việc tiếp cận mặt bằng sản xuất vẫn là khó khăn rất lớn, chi phí trong các khu công nghiệp còn cao, diện tích bắt buộc phải thuê lớn, chưa phù hợp với quy mô nhỏ và vừa.

Đối với ngành công nghiệp ô tô, trong 6 tháng đầu năm tăng trưởng của ngành bị giảm 35% nhưng nhờ có chính sách kịp thời của Chính phủ như giảm lệ phí trước bạ theo Nghị định 70/NĐ-CP nên tính cả năm, tăng trưởng giảm 10% so với năm 2019. Tuy nhiên ngay từ những tháng đầu năm 2021, khi dịch Covid-19 bùng phát trở lại, chính sách giảm phí trước bạ hết thời hạn áp dụng nên nhu cầu giảm khiến cho sản lượng DN ô tô giảm sút nghiêm trọng dần từ 32,2% đến 50 % so với cùng kỳ năm 2020. Điều này gây ảnh hưởng lớn cho sự phát triển các DN công nghiệp cơ khí và công nghiệp phụ trợ, các DN vệ tinh cho ngành công nghiệp ô tô.

Một số dự án đang triển khai ở nước ngoài khi dịch bùng phát, Chính phủ đã yêu cầu dừng dự án, đưa cán bộ và công nhân về nước, phải tốn chi phí thuê máy bay, cách li...; gây ra nhiều tổn thất, thậm chí có thể bị đền bù do hủy hợp đồng.

Bên cạnh việc sụt giảm doanh thu, năm 2020 DN tiếp tục phải đối mặt với những khó khăn cố hữu như khó tiếp cận vốn của ngân hàng, mặt bằng sản xuất kinh doanh, chi phí tiền đóng BHXH, công đoàn cho người lao động lớn.

Một số chính sách của Chính phủ như giãn nợ, giảm lãi suất cho vay có nhiều điều kiện ràng buộc không hợp lý nên các DN cơ khí khó tiếp cận các gói hỗ trợ của Chính phủ.

e) Nông nghiệp và chế biến sản phẩm nông, lâm, thủy sản.

Năm 2020, do tổng cầu trong nước và quốc tế (đặc biệt là thị trường Châu Âu và Mỹ) giảm nên sản lượng của các DN trong lĩnh vực chế biến nông nghiệp, thủy sản cũng bị sụt giảm lớn (trừ mặt hàng gạo, một số DN lớn trong lĩnh chế biến thủy sản như cá tra, tôm). Trung bình sản lượng của các DN này giảm 40%, thậm chí có DN giảm 2/3 sản lượng so với năm 2019. Nhiều DN phải áp dụng chế độ giảm giờ làm của người lao động (3-4 ngày trong tuần). Một số DN thành viên trong lĩnh vực nông nghiệp như Hiệp hội rau quả Việt Nam, Hiệp hội Hồ tiêu Việt Nam cắt giảm khoảng 10% lao động.

Đặc biệt do tình hình dịch bệnh Covid-19, nhu cầu đối với sản phẩm giá trị cao giảm, ngoài việc phải cạnh tranh gay gắt hơn với những nhà cung cấp sản

phẩm giá rẻ, DN gặp khó khăn khi vận chuyển lưu thông hàng nông sản qua vùng dịch. DN phải thực hiện nhiều thủ tục hành chính và chịu các chi phí phát sinh, không kiểm soát được. Quy định về cấp giấy chứng nhận, lưu thông hành hóa, kiểm dịch của các tỉnh không thống nhất, gây mất thời gian, đẩy giá vận chuyển hàng hoá quá cao. Trong khi hàng nông sản, sản phẩm tươi sống chưa qua chế biến giá trị thấp nhưng chi phí bị tăng 3-4 lần, nhiều DN phải phá sản. Đối với các DN xuất khẩu các mặt hàng nông sản cao cấp, vận chuyển bằng đường hàng không, chi phí vận chuyển tăng quá cao khiến doanh nghiệp không thể xuất được hàng. Ví dụ như Công ty may Hồ Gươm ở Bắc Ninh xuất khẩu lá tía tô đi Nhật. Do chi phí vận chuyển quá cao nên từ tháng 3/2020 công ty không xuất khẩu được hàng, phải phá bỏ vùng nguyên liệu và cho công nhân nghỉ việc.

Đối với các DN chế biến thủy sản, mặc dù ngành có mức tăng trưởng khá trong năm 2020 và 2 tháng đầu năm 2021 nhưng cũng gặp khó khăn do rất cả các chi phí đầu vào chuỗi nông sản (giống, nuôi trồng, chế biến, vận chuyển...) đều tăng mạnh, sẽ ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh về dài hạn. Các doanh nghiệp gặp khó khăn về dòng tiền, không đặt được container do giá tăng cao, thiếu container rỗng. Ví dụ, giá container đi thị trường Trung Đông tăng từ 2000 USD/container lên 10.000 USD/container (gấp 5 lần). Đặc biệt, quy định về chỉ tiêu Phospho, Amoni, tổng Nitơ trong nước thải sau khi xử lý tại nhà máy chế biến thủy sản (QCVN 11:2015) đang ở mức thấp so với khả năng của thực tế; đa số các nhà máy với đầu tư công nghệ mới & hệ thống xử lý nước thải đầy đủ cũng rất khó để đạt. Do đó, kết quả thanh-kiểm tra hàng năm của ngành môi trường luôn có tỷ lệ lớn các DN không đạt, bị phạt vi phạm hành chính môi trường và đặc biệt là rủi ro cao nếu khách hàng quốc tế biết rằng các nhà máy vi phạm quy định môi trường của Việt Nam. Đây là vấn đề vướng mắc lớn của toàn ngành chế biến thủy sản trong 3 năm qua.

Đối với các doanh nghiệp gỗ và sản phẩm lâm nghiệp, năm 2020 vẫn là một năm tương đối thành công. Mặc dù đại dịch Covid-19 tác động tiêu cực đến phát triển kinh tế nhưng kim ngạch xuất khẩu lâm sản vẫn ước tăng 11,5% so với năm 2019, tiếp tục đứng trong 10 nhóm sản phẩm xuất khẩu chủ lực, chiếm trên 30% tổng giá trị xuất khẩu của ngành nông nghiệp. Một trong những nguyên nhân chính đem lại kết quả này là do Nhà nước quan tâm và kịp thời ban hành các chính sách hỗ trợ cho ngành chế biến gỗ, lâm sản.

Về tiếp cận chính sách hỗ trợ, DN kiến nghị chưa tiếp cận được với các chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, Nghị định số 41/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuê đất. Đầu năm 2021 khi Covid-19 tái diễn, DN tiếp tục bị dừng đơn hàng hoặc lưu thông hàng hóa khó khăn, một số DN không tiêu thụ được, phải chặt bỏ cây trồng và đối mặt với nguy cơ thua lỗ.

Trong bối cảnh khó khăn về tài chính, DN vẫn phải đóng 2% chi phí công đoàn. Một số quy định mới của sắp được ban hành của Chính phủ về tiêu chuẩn

môi trường, xử lý nước thải trong ngành chế biến thủy sản quá khắt khe so với các nước trong khu vực, khiến DN không thể đáp ứng được và có nguy cơ dẫn đến mất thị trường, khách hàng quốc tế do vi phạm các quy định trong nước.

g) Ngành vận tải, logistics

Năm 2020 là một năm khó khăn cho ngành vận tải nói chung. Trong đó, vận tải hàng hóa đường bộ đạt trên 117.3 triệu tấn vận chuyển. Doanh thu của các DN vận tải ô tô giảm khoảng 25%-50% so với năm 2019; nhu cầu vận chuyển hành khách và hàng hóa sụt giảm lần lượt là 30% và 10% so với trước khi có dịch, trong khi đó các thủ tục để vận chuyển hành khách và hàng hóa tăng lên dẫn đến các chi phí phát sinh cũng tăng.

Đối với ngành vận tải biển, năm 2021 tiếp tục là một năm đầy thách thức. Tuy giá thuê container tăng mạnh gấp 5-10 lần nhưng chủ yếu các hãng tàu của nước ngoài được hưởng lợi, DN Việt Nam không được hưởng lợi mà còn gặp nhiều khó khăn do chuỗi cung ứng gãy, tắc nghẽn tại các cảng, việc bốc dỡ và bổ sung hàng hóa bị ảnh hưởng. Do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn ra phức tạp nhưng các quốc gia lại có chính sách lưu thông hàng hóa, dịch vụ khác nhau dẫn tới việc vận tải khó khăn, ùn tắc và chi phí tăng. Thảm cảnh này khiến doanh thu của các công ty vận tải biển khó bù được chi phí.

h) Hàng không

Thị trường vận tải hàng không sụt giảm nghiêm trọng nhất. Nhu cầu vận tải hàng không giảm mạnh đến 34.5% - 65,9 % so với năm 2019. Doanh thu dịch vụ vận tải hàng không năm 2020 sụt giảm trung bình trên 61% so với 2019. Nguy hiểm hơn, đợt dịch Covid-19 bùng phát lần thứ 3 trong giai đoạn cao điểm sát Tết đã khiến doanh thu của ngành hàng không đã giảm khoảng 80 % so với cùng kỳ năm 2020 (thời điểm sát Tết năm 2020 dịch chưa bùng phát). Khả năng thanh toán của các DN suy giảm và tiến tới sát giới hạn mất khả năng thanh toán. Cùng với tình hình dịch bệnh diễn ra phức tạp, tâm lý khách hàng trên khắp thế giới bị thay đổi, dự báo hoạt động vận tải hàng không sẽ tiếp tục gặp khó khăn trong năm 2021, nếu như tình hình Covid-19 được kiểm chế, phải đến năm 2024 hoạt động của ngành hàng không mới có thể phục hồi như trước khi có dịch bệnh. Thời điểm dịch bệnh quay trở lại, báo chí đưa tin chưa chính xác khiến cho khách hàng ồ ạt hủy vé, gây thiệt hại lớn cho ngành hàng không, khiến các DN càng thêm khó khăn về dòng tiền.

Tổng công ty hàng không Việt Nam (VNA) dự kiến số lỗ của QI/2021 sẽ ở mức 4.800 tỷ đồng, 6 tháng đầu năm có thể lên đến 10.000 tỷ đồng. Hiện tại số nợ phải trả quá hạn đạt tới 6.240 tỷ đồng và đang rơi vào trạng thái cực kỳ khó khăn, bên bờ vực phá sản trong khi các ngân hàng thương mại chưa nhìn thấy gói giải cứu 12.000 tỷ đồng của Chính phủ nên không cho VNA giải ngân tiếp hoặc không gia hạn hoặc cấp tiếp hạn mức tín dụng. VNA hiện đang đối mặt với rủi ro kiện tụng pháp lý với số nợ quá hạn quá cao và rủi ro trong việc không cân đối trả các khoản vay ngắn hạn đến hạn tại các ngân hàng.

Đối với các hãng hàng không tư nhân như Bamboo Airlines và Vietjet, mặc dù trong năm 2020 đã có gắng tối ưu hóa mọi hoạt động khai thác và duy trì được sản xuất kinh doanh thông qua việc chuyển nhượng các tài sản và các dự án đầu tư tài chính đã được tích lũy trong giai đoạn trước, tuy nhiên dự báo hoạt động sẽ tiếp tục gặp khó khăn trong năm 2021 và đang dần hết nguồn lực về tài chính để hỗ trợ cho dịch vụ vận tải hàng không. Ước tính Vietjet thiếu hụt 10.000 tỷ đồng để hỗ trợ hoạt động kinh doanh.

i) Công nghệ thông tin, viễn thông

Nhìn chung, ngành công nghệ thông tin, viễn thông cũng bị ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, nhưng tác động không quá nặng nề so với các ngành khác. Nhiều khách hàng là các DNNVV cắt giảm đầu tư, chi tiêu, tạm ngừng hoạt động, giải thể khiến doanh thu từ các dịch vụ phục vụ nhóm đối tượng này có phần sụt giảm. Bên cạnh đó, các công ty xuất khẩu phần mềm còn gặp khó khăn trong việc ra nước ngoài để tiếp cận khách hàng và thiếu thông tin thị trường nên số lượng đơn hàng/hợp đồng mua bán hàng hóa, dịch vụ bị giảm.

Tuy khó khăn nhiều, các DN luôn nỗ lực cố gắng khắc phục khó khăn và tận dụng cơ hội phát triển trong tình hình mới. Nhìn chung doanh thu của các DN Công nghệ thông tin, viễn thông năm 2020 tăng nhẹ (khoảng 2-4 %) so với năm 2019. Cá biệt một số DN thoát động trong lĩnh vực phần mềm và công nghệ thông tin do tận dụng cơ hội mang lại từ việc áp dụng kinh tế số, công nghệ 4.0 nên có tăng trưởng cao so với 2019.

1.3 Một số khó khăn, vướng mắc về cơ chế, quy định pháp luật chưa tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh:

- *Thu tục về thuế:* Vướng mắc do các quy định về xác minh hoàn thuế còn chưa thực sự hợp lý: Quy định hoàn thuế đang chưa tính tới các khâu trung gian, thương mại nên đặt ra các tình huống chưa hợp lý (như yêu cầu tại văn bản 2928 về xác định dấu hiệu rủi ro của DN là “có sản lượng gỗ nguyên liệu mua vào nhiều nhưng mua của DN trên địa bàn tại những vùng nguyên liệu gỗ ít”). Quy trình hoàn thuế đối với mặt hàng gỗ xuất khẩu chỉ quy trách nhiệm cho DN ở khâu sản xuất cuối cùng mà không tính tới trách nhiệm của các DN/hộ kinh doanh đầu chuỗi, giữa chuỗi trong khi Thông tư 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản đã ghi nhận trách nhiệm của các hộ kinh doanh đầu chuỗi là “đối với gỗ khai thác từ rừng trồng thì chủ rừng, chủ lâm sản tự lập và ký vào bảng kê theo mẫu quy định để chứng thực cho lô gỗ khai thác thì nguồn gỗ đó là hợp pháp”.

- *Thu tục hải quan:* việc xử phạt vi phạm hành chính khi khai báo thủ tục hải quan cho hàng hóa xuất, nhập khẩu theo Nghị định 128/2020/NĐ-CP lại không có sự phân biệt giữa xuất, nhập khẩu lần đầu hay nhiều lần, cố ý hay vô ý (theo ý kiến trả lời của Tổng cục Hải quan tại văn bản 2083). Điều này thể hiện

sự chưa nhất quán về chủ trương giữa triển khai Nghị định 128/2020/NĐ-CP và thực thi Hiệp định FTA.

- Theo phản ánh của các hiệp hội doanh nghiệp, hiện nay nhiều nhà máy trong các khu công nghiệp, các doanh nghiệp logistics và vận tải hiện đang chịu ảnh hưởng nghiêm trọng từ dịch khiến chuỗi cung ứng hàng hóa và liên kết sản xuất trong nước bị gián đoạn. Trong bối cảnh đó, doanh nghiệp có hoạt động xuất khẩu còn gặp một khó khăn rất lớn là tình trạng thiếu vỏ con-ten-nơ và tàu biển vẫn diễn ra hết sức nặng nề do ảnh hưởng của đại dịch trên phạm vi toàn cầu, dẫn tới giá thành chi trả tăng rất cao mà chưa tìm ra biện pháp hữu hiệu để cải thiện.

- *Đối với các doanh nghiệp khởi nghiệp*: việc có nhiều đầu mối cơ quan quản lý nhà nước phụ trách các vấn đề của doanh nghiệp, bao gồm cả cơ quan quản lý chung tới các cơ quan quản lý chuyên ngành, mà lại chưa phát huy cơ chế “một cửa” thực sự để doanh nghiệp tham vấn, giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện sản xuất, kinh doanh khiến doanh nghiệp rất lúng túng mỗi khi liên hệ với các cơ quan nhà nước, nhất là các vấn đề liên ngành. Một số cách thức xử sự hiện nay của các cơ quan quản lý chưa nhận được sự đồng tình từ phía doanh nghiệp là: (i) khi doanh nghiệp hỏi về quy định pháp lý (bất kỳ), cơ quan quản lý nhà nước thường gửi cho doanh nghiệp toàn văn các văn bản pháp lý liên quan (để doanh nghiệp tự nghiên cứu), hoặc đưa ra nhiều yêu cầu khác nhau trong nhiều lần làm việc thay vì hướng dẫn một lần, trọng tâm vào vấn đề cụ thể để giúp doanh nghiệp nắm bắt, khiến các doanh nghiệp khởi nghiệp, nhỏ, siêu nhỏ và các hộ kinh doanh rất khó khăn trong việc tìm hiểu, tuân thủ các quy định của pháp luật; (ii) khi doanh nghiệp cần giải quyết một số quy trình, thủ tục có tính liên ngành, quá trình tương tác giữa các Bộ liên quan thường ít có sự chia sẻ, gắn kết thông tin chủ động mà để doanh nghiệp phải trực tiếp làm việc với từng Bộ, còn ở tại cấp địa phương, dù nhiều địa phương cũng đã thành lập các mô hình liên ngành giao một sở, ngành nào đó làm đầu mối chính nhưng doanh nghiệp vẫn được chỉ dẫn để làm việc, tương tác trực tiếp với nhiều cơ quan liên quan thay vì chỉ tương tác với cơ quan đầu mối, khiến doanh nghiệp mất rất nhiều thời gian công sức và chịu áp lực, khó khăn không nhỏ trong suốt quá trình này.²⁹

2. Đề xuất, kiến nghị của cộng đồng DN:

Trên cơ sở tổng hợp các đề xuất, kiến nghị của doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp, 12 nhóm giải pháp đang được cộng đồng doanh nghiệp kiến nghị Chính phủ xem xét giải quyết:

(1) Quy trình, thủ tục tiếp cận các chính sách hỗ trợ: Để DN từng bước khôi phục, trong thời gian tới, đề nghị các bộ, ngành và địa phương cần khẩn

²⁹ Báo cáo tổng hợp phản ánh, kiến nghị của các doanh nghiệp, hiệp hội tháng 3/2021 của Ban Nghiên cứu Phát triển Kinh tế tư nhân

trương rà soát, sửa đổi một số quy định, điều kiện để được hưởng chính sách hỗ trợ quá khẩn khe, không phù hợp thực tế như phải có trên 50% lao động mất việc làm, lao động nghỉ việc 1 tháng... Các quy định cần được xây dựng rành mạch và có tính thực tế, theo hướng xác định đúng và trúng đối tượng thụ hưởng, điều kiện tiếp cận và thủ tục nhanh gọn hơn.

(2) Kéo dài, bổ sung các chính sách hỗ trợ: Bên cạnh việc nâng cao khả năng tiếp cận của DN tới các gói hỗ trợ, Chính phủ cần tiếp tục kéo dài việc thực hiện các gói hỗ trợ cho DN đến hết năm 2021; khẩn trương bổ sung, điều chỉnh các chính sách hỗ trợ mạnh mẽ hơn, đặc biệt là các chính sách thuế như miễn, giảm, hoãn, khoan thuế cho DN. Cụ thể, cần tiếp tục gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, tiền thuê đất cho doanh nghiệp; Giảm tối thiểu 50% các khoản nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong năm 2020 cho các DN và xem xét tiếp cho năm 2021; tiếp tục giảm thuế trước bạ ô tô... Bên cạnh đó, cho phép DN được giảm đóng kinh phí công đoàn 2%, hoặc giảm 50% mức phí (còn 1%) nhằm hỗ trợ DN trong bối cảnh nguồn vốn hoặc doanh thu bị hạn chế.

(3) Ban hành và triển khai thực hiện một số chính sách đặc thù hỗ trợ DN cắt giảm các chi phí đầu vào, giảm thiểu dòng tiền ra của doanh nghiệp; Rà soát, sửa đổi các chính sách mới ban hành làm tăng chi phí của doanh nghiệp.

- Xem xét cắt giảm giá điện cho khu vực doanh nghiệp, các hộ kinh doanh để giảm chi phí và áp lực tài chính ngắn hạn cho doanh nghiệp và các hộ sản xuất kinh doanh. Đặc biệt, cho phép các DN du lịch và logistics được áp dụng mức giá điện sản xuất thay vì giá điện dịch vụ như hiện nay. Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch nghiên cứu điều chỉnh quy định về ký quỹ đối với các công ty du lịch trong thời điểm khó khăn: đề nghị cho phép được rút một phần ký quỹ hoặc tạm vay lại số tiền đã ký quỹ (500 triệu đồng) mà không bị rút lại giấy phép. Chính phủ hỗ trợ các DN xử lý đàm phán với các hãng hàng không nước ngoài để lấy lại tiền đặt cọc bị mất do hủy tour vì Covid-19.

- Rà soát, làm rõ tính cấp thiết, tính cần thiết của việc áp dụng các quy định (việc thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu cảng biển trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh (dự kiến áp dụng từ 01/7/2021), hay yêu cầu triển khai lắp đặt đồng loạt camera trên các xe ô tô kinh doanh vận tải trước thời hạn 01/7/2021 của Bộ Giao thông Vận tải, đi kèm với đó doanh nghiệp sẽ cần đầu tư hệ thống công nghệ thông tin (hệ thống SAN, đường truyền, máy chủ,...) để tổng hợp và truyền tải dữ liệu từ các camera cho cơ quan quản lý) tại thời điểm này so với chủ trương hỗ trợ doanh nghiệp vượt khó trong bối cảnh dịch để ra quyết định cho thấu đáo, tránh đẩy doanh nghiệp vào tình trạng kiệt quệ, đổ vỡ hàng loạt. Đồng thời, đề

xuất Chính phủ, các bộ, ngành tiếp tục rà soát các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp tiết giảm hoặc tối ưu được dòng tiền chi ra để vượt qua khó khăn.³⁰

(4) Có giải pháp hỗ trợ nguồn vốn cho DN vay thông qua ngân hàng từ nguồn ngân sách nhà nước, Quỹ Phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ để tạo điều kiện cho DN tiếp cận được nguồn lực tài chính cần thiết để vượt qua: đề nghị sửa đổi phạm vi, mở rộng đối tượng cho vay của Quỹ.

(5) Chính phủ nên xây dựng và triển khai thực hiện các quy định phòng chống dịch Covid-19 thống nhất trên phạm vi cả nước, đảm bảo thông tin chính xác, minh bạch; chống dịch nhưng không gây hoang mang dư luận; các tỉnh, thành phố không được tùy tiện áp dụng các biện pháp chống dịch, gây khó khăn cho DN khi lưu thông và tiêu thụ hàng hoá.

(6) Về cơ chế tiêm vắc xin Covid-19:

- Xây dựng cơ chế đẩy mạnh quá trình tiêm vaccine cho người lao động tại các doanh nghiệp: (i) Cho phép các doanh nghiệp được tham gia tổ chức tiêm phòng COVID-19 cho nhân viên theo đúng hướng dẫn và các yêu cầu an toàn của Bộ Y tế, đồng thời cho phép các doanh nghiệp, tổ chức tư nhân được chủ động đàm phán mua vaccine với các đơn vị cung ứng trên toàn cầu, căn cứ trên danh mục vaccine Bộ Y tế chấp nhận. Mọi vấn đề liên quan tới chuyên môn như thủ tục nhập khẩu, bảo quản vaccine, tiến hành tiêm, đánh giá trước/sau khi tiêm, doanh nghiệp, tổ chức tư nhân sẽ ủy quyền cho các đơn vị hoặc cơ sở y tế được Bộ Y tế công nhận đủ năng lực; (ii) Mở rộng lực lượng tiêm phòng vaccine để đáp ứng yêu cầu tiêm hàng loạt, diện rộng bằng cách huy động không chỉ các cơ sở tiêm chủng mà có thể xét tới các bệnh viện, trung tâm y tế đủ năng lực chuyên môn theo quy định từ Bộ Y tế.³¹

- Đẩy nhanh việc triển khai tiêm vaccine và ưu tiên cho đối tượng là người lao động tại các doanh nghiệp sản xuất. Doanh nghiệp sẵn sàng ủng hộ và đồng hành với Chính phủ để có thể thực hiện xã hội hóa việc tiêm vaccine sớm nhất. Cần thống nhất trong việc cấp giấy chứng nhận tiêm vaccine, như cơ quan cấp, hình thức cấp, nên có QR code... để đảm bảo kiểm soát tốt và tạo thuận lợi cho người dân đi lại trong và ngoài nước³².

(7) Đề nghị Chính phủ sửa đổi một số các văn bản quy phạm pháp luật quy định việc hỗ trợ DN, hoặc sửa đổi các quy định gây khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp:

- Sửa đổi Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông thôn theo hướng cần tiếp tục nâng cao chất lượng môi trường kinh doanh trong nông nghiệp

³⁰ Báo cáo tổng hợp phản ánh, kiến nghị của các doanh nghiệp, hiệp hội tháng 04-05/2021 của Ban Nghiên cứu Phát triển Kinh tế tư nhân

³¹ Ban Nghiên cứu Phát triển kinh tế tư nhân

³² Công văn số 41/2021/VASI ngày 20/5/2021 về doanh nghiệp CNHT đề xuất với Chính phủ về hỗ trợ sau Covid-19

thông qua khắc phục các vấn đề cố hữu như sản xuất manh mún, thúc đẩy tập trung đất đai; ban hành danh mục sản phẩm nông nghiệp chủ lực cấp tỉnh; tạo điều kiện cho DN thông qua các quy định các công trình trên đất được làm tài sản thế chấp vay vốn, vệ sinh an toàn thực phẩm, quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp;

- Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường sớm soát xét đề ban hành QCVN mới thay thế QCVN 11:2015, trong đó xem xét: Quy định ngưỡng của chỉ tiêu phospho vào trong dự thảo QCVN 11: 2017/BTNMT về nước thải CBTS lên mức 40-50 mg/l. Quy định rõ lộ trình áp dụng phù hợp (5 – 10 năm) cho QCVN mới theo thông lệ quốc tế để các DN chủ động đầu tư, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải; Giữ nguyên mức giới hạn kiểm soát của Amoni và Nitơ như QCVN 11:2015.

(8) Đẩy nhanh chương trình hỗ trợ DN chuyển đổi số để thúc đẩy doanh nghiệp tham gia hiệu quả vào quá trình cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển đổi lĩnh vực sản xuất kinh doanh, đổi mới quy trình và công nghệ sản xuất; từng bước chuyển khu vực kinh tế dịch vụ đơn thuần sang số hoá như: thương mại điện tử, kinh tế số, kinh tế chia sẻ, thúc đẩy phát triển các nền tảng trực tuyến trong lĩnh vực giáo dục và y tế.... Trước mắt, Nhà nước cần bố trí ngân sách cho công tác truyền thông về chuyển đổi số nhằm nâng cao nhận thức của các tổ chức, DN về vai trò của chuyển đổi số; Hỗ trợ 100% ngân sách đào tạo cho các DN tham gia các chương trình đào tạo về chuyển đổi số, hoàn thiện sớm các chính sách, quy định, thông tư về tài chính cho mô hình đào tạo online kết hợp offline (thay vì chỉ có đào tạo offline) như các năm qua.

(9) Chính phủ sớm nghiên cứu cơ chế thí điểm chính sách (sand-box) để tạo điều kiện thuận lợi cho các start-up công nghệ; có cơ chế minh bạch về nguồn dữ liệu mở thuộc khu vực công để các doanh nghiệp công nghệ có thể tiếp cận nguồn tài nguyên số để phát triển các sản phẩm dịch vụ đổi mới sáng tạo.

- Điều chỉnh chính sách về Quỹ khoa học và công nghệ, theo hướng cho phép các DN nhà nước tự chủ hơn đầu tư vào R&D, đổi mới sáng tạo, chấp nhận rủi ro, mất vốn ở một mức độ cho phép do đầu tư vào công nghệ, đổi mới sáng tạo rất rủi ro.

(10) Nhằm hỗ trợ DN giải quyết khó khăn về mặt bằng sản xuất kinh doanh, đề nghị Chính phủ nghiên cứu có chính sách xây dựng hỗ trợ cụm công nghiệp tập trung cho DNNVV, DN hỗ trợ, do nhà nước làm chủ với các điều kiện ưu tiên rõ ràng, phù hợp với nhóm DN trên.

(11) Có biện pháp thúc đẩy mạnh mẽ phối hợp, kết nối giữa các DN Việt Nam hiệu quả. Điều này sẽ góp phần phát triển các doanh nghiệp Việt Nam về số lượng, quy mô để các DN có điều kiện cùng nhau tận dụng tốt các cơ hội, thực hiện các giải pháp và sử dụng nguồn lực một cách tối ưu nhất. Về lâu dài, sẽ nâng cao năng lực cạnh tranh, năng lực sản xuất của DN Việt Nam ở thị

trường trong nước và quốc tế. Đặc biệt, khả năng tự lực, tự cường của các DN Việt sẽ được nâng cao, có khả năng thúc đẩy các động lực tăng trưởng để đưa nền kinh tế vượt qua giai đoạn khó khăn hiện nay.

(12) Về thủ tục hành chính, thanh kiểm tra doanh nghiệp:

Cải cách hành chính có cải thiện nhưng chưa đạt yêu cầu, chưa đồng đều ở các cấp, các thủ tục vẫn còn rườm rà, trùng lặp/chồng chéo ở nhiều khâu. Công tác thanh tra, kiểm tra vẫn còn gây không ít khó khăn cho hoạt động của các cơ sở kinh doanh, đặc biệt là ở khía cạnh phối hợp liên ngành dẫn đến thời gian phải làm việc với các đoàn thanh tra, kiểm tra tăng. Còn sự chưa nhất quán trong thanh tra, kiểm tra đối với cơ sở kinh doanh giữa các ngành có liên quan, giữa các cấp gây ra nhiều khó khăn cho hoạt động kinh doanh. Hoạt động hỗ trợ còn dàn trải, đôi khi không đúng mục đích, đối tượng, hiệu quả thấp.

- Nghiên cứu và thiết lập nhanh một kênh thông tin để cập nhật mọi văn bản chỉ đạo điều hành từ cấp trung ương tới cấp địa phương về chống dịch để doanh nghiệp, người dân nắm bắt thông tin kịp thời, đồng bộ. Điều này giúp doanh nghiệp có thể chủ động hơn trong quá trình bố trí các phương án về nhân lực, kế hoạch lưu thông hàng hóa, tính toán các chi phí lưu thông hợp lý để vừa chấp hành hiệu quả các chỉ đạo của Chính phủ và yêu cầu của từng địa phương vừa đảm bảo duy trì liên tục sản xuất, kinh doanh.³³ Tăng cường đối thoại với các nhóm doanh nghiệp, hiệp hội liên quan nhằm giải quyết thấu đáo, triệt để vấn đề cho doanh nghiệp³⁴

VI. ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP, CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN DN TRONG THỜI GIAN TỚI

Trên cơ sở kiến nghị của các doanh nghiệp, dự báo tình hình diễn biến của dịch bệnh Covid-19 trong nước và quốc tế, khả năng mở cửa biên giới của một số quốc gia và khu vực trên thế giới, Bộ Kế hoạch và Đầu tư kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, giao các cơ quan bộ, ngành và các tổ chức liên quan cần tiếp tục đồng hành nghiên cứu, thực hiện đồng bộ các giải pháp đảm bảo mục tiêu kép: hỗ trợ cho các doanh nghiệp ổn định, duy trì và phát triển sản xuất kinh doanh; đồng thời đảm bảo phòng, chống dịch an toàn, hiệu quả.

1. Thực hiện các biện pháp, phòng chống dịch Covid-19 linh hoạt, hiệu quả, tạo điều kiện cho doanh nghiệp ổn định và duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Các Bộ, ngành, địa phương ưu tiên giải quyết các khó khăn của DN thuộc ngành, lĩnh vực, địa bàn được giao quản lý; xác định đây là một trong những nhiệm vụ hàng đầu trong hành động.

³³ Báo cáo tổng hợp phản ánh, kiến nghị của các doanh nghiệp, hiệp hội tháng 1-2/2021 của Ban Nghiên cứu Phát triển Kinh tế tư nhân

³⁴ Báo cáo tổng hợp phản ánh, kiến nghị của các doanh nghiệp, hiệp hội tháng 3/2021 của Ban Nghiên cứu Phát triển Kinh tế tư nhân

- Bộ Y tế nghiên cứu hướng dẫn thống nhất các quy tắc phân loại chống dịch Covid-19 chung trên cả nước, tránh tình trạng địa phương hoá quá mức, gây cản trở hoạt động của doanh nghiệp.³⁵

- Bộ Y tế khẩn trương nghiên cứu, trình Chính phủ về cơ chế đẩy mạnh quá trình tiêm vacxin cho người lao động, kế hoạch ưu tiên vắc xin cho người lao động tại các khu công nghiệp, chuyên gia quốc tế, người lao động trong DN thường xuyên phải đi công tác nước ngoài và tiếp xúc với người nước ngoài.

2. Tái cơ cấu nợ vay và hỗ trợ lãi suất vay:

- Ngân hàng nhà nước khẩn trương ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung nhằm cho phép việc cơ cấu nợ vay, giãn nợ vay đối với các khoản nợ phát sinh trong năm 2020-2021 và không chuyển nhóm nợ cho đến hết 31/12/2021. (Thông tư số 01/2020-TT-NHNN quy định chỉ áp dụng cho các khoản nợ vay phát sinh trước ngày 23/1/2020); chỉ đạo hệ thống ngân hàng áp dụng các giải pháp hỗ trợ về vốn cho doanh nghiệp: Giảm từ 3 đến 5% lãi suất cho vay; Cơ cấu lại thời hạn trả nợ; Giữ nguyên nhóm nợ; Cho vay mới để doanh nghiệp bổ sung vốn lưu động khôi phục hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Bộ KH&ĐT sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29/5/2020 về các nhiệm vụ, giải pháp tháo gỡ cho sản xuất kinh doanh, theo đó mở rộng đối tượng được giảm 2% lãi suất cho vay trực tiếp, cho vay gián tiếp không chỉ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa mà thêm doanh nghiệp trong các ngành bị tác động trực tiếp nặng nề bởi dịch bệnh như hàng không, du lịch, khách sạn, vận tải.

- Ngân hàng nhà nước nghiên cứu trình Chính phủ ban hành cơ chế hỗ trợ lãi suất khoảng 4% cho khoản vay tín dụng trong năm 2021-2023 để giúp các hãng hàng không tư nhân giải quyết thanh khoản, duy trì nguồn lực để hoạt động và phát triển. (tương tự như gói hỗ trợ của Chính phủ cho Vietnam Airlines).

- Bộ Lao động Thương binh và Xã hội trình Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24/4/2020, Quyết định số 32/2020/QĐ-TTg ngày 19/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo hướng *bỏ điều kiện có người lao động đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc phải ngừng việc* từ 01 tháng liên tục trở lên trong khoảng thời gian từ ngày 01/4/2020 đến hết ngày 31/12/2020 để khuyến khích và hỗ trợ doanh nghiệp vay vốn trả lương cho người lao động và duy trì sản xuất.

3. Miễn, giảm thuế TNDN, VAT, tiền thuê đất, thuế xuất nhập khẩu, thuế bảo vệ môi trường

- Bộ Tài chính xây dựng trình Chính phủ báo cáo Quốc hội ban hành Nghị quyết giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2021 đối với doanh

³⁵ Công văn số 41/2021/VASI ngày 20/5/2021 về doanh nghiệp CNHT đề xuất với Chính phủ về hỗ trợ sau Covid-19

nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ đồng. (Nghị quyết số 116/2020/QH14, Nghị định 114/2020/ND-CP ngày 25/9/2020 quy định giảm cho riêng năm 2020).

- Bộ Tài chính trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tiếp tục áp dụng và có sửa đổi chính sách giảm 15% tiền thuê đất cho đối tượng dừng hoạt động 15 ngày trở lên do dịch Covid-19 (ban hành theo Nghị quyết số 84/NQ-CP và Quyết định số 22/2020/QĐ-TTg) theo hướng: Giảm 15% tiền thuê đất năm 2021 cho các doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đang được Nhà nước cho thuê đất trực tiếp theo Quyết định hoặc Hợp đồng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền dưới hình thức trả tiền thuê đất hàng năm bị ảnh hưởng trực tiếp bởi dịch Covid-19 (có thể xem xét áp dụng tiêu chí có doanh thu bị giảm 50% so với cùng kỳ năm trước).

- Bộ Tài chính nghiên cứu trình Thủ tướng Chính phủ sửa đổi Quyết định số 2138/QĐ-BTC ngày 18/1/2020 cho phép tính thời điểm áp dụng quy định miễn thuế nhập khẩu đối với linh kiện nhập khẩu để sản xuất máy thở phục vụ phòng, chống dịch Covid-19 từ thời điểm Thủ tướng Chính phủ công bố dịch bệnh theo Quyết định số 47/QĐ-TTg ngày 1/4/2020; ban hành hướng dẫn thủ tục hoàn thuế nhập khẩu đối với doanh nghiệp đã nhập khẩu, kê khai và nộp thuế nhập khẩu đối với linh kiện nhập khẩu để sản xuất máy thở phục vụ phòng, chống dịch Covid-19.

- Bộ Tài chính xây dựng trình Chính phủ báo cáo Quốc hội ban hành Nghị quyết cho phép giảm 50% thuế giá trị gia tăng năm 2021 đối với các ngành chịu ảnh hưởng mạnh của dịch Covid-19 như du lịch, khách sạn để giảm giá dịch vụ, kích cầu và hỗ trợ du lịch nội địa (chính sách đề xuất mới).

- Bộ Tài chính nghiên cứu, đề xuất phương án giảm thuế giá trị gia tăng về 0% trong thời gian 6 tháng cho các DN kinh doanh vận tải; Giảm 50% lệ phí trước bạ cho các xe ô tô mới đăng ký kinh doanh vận tải.

- Bộ Tài chính nghiên cứu trình Chính phủ và Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi Nghị quyết số 1148/2020/UBTVQH14 ngày 21/12/2020 về việc tiếp tục áp dụng mức thuế bảo vệ môi trường đối với nhiên liệu bay là 2.100 đồng/lít cho đến hết 31/12/2021 theo hướng áp mức 1.000 đồng/lít (vẫn thuộc khung quy định theo Luật thuế bảo vệ môi trường)

4. Giãn, giảm phí, lệ phí các khoản phải nộp, chi phí được khấu trừ, các khoản ký quỹ.

- Chính phủ sớm ban hành Nghị định hướng dẫn thực hiện về chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản chi ủng hộ, tài trợ của doanh nghiệp, tổ chức cho các hoạt động phòng, chống dịch Covid-19 theo quy định tại khoản 8 Điều 3 Nghị quyết ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 (dự thảo Nghị định đang lấy ý kiến)

- Bảo hiểm xã hội Việt Nam chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn thực hiện tạm dừng đóng BHXH đối với các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 đến hết tháng 12 năm 2021 và không tính lãi phạt chậm nộp theo thẩm quyền và quy định của pháp luật (chính sách đã được áp dụng cho năm 2020).

- Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam nghiên cứu đề xuất Chính phủ và Quốc hội cho phép DN được giãn đóng kinh phí công đoàn và giảm 50% mức phí công đoàn trong năm 2020 và 2021. (

- Bộ Giao thông vận tải sửa đổi Thông tư số 19/2020/TT-BGTVT cho phép kéo dài thời gian giảm 50% phí dịch vụ cất cánh, hạ cánh tàu bay và dịch vụ điều hành bay cùng với thời gian áp dụng mức giá tối thiểu 0 đồng đối với các dịch vụ chuyên ngành hàng không thuộc danh mục Nhà nước quy định khung giá cho đến hết năm 2021.

- Bộ Giao thông vận tải nghiên cứu cho phép các doanh nghiệp vận tải được miễn nộp phí bảo trì đường bộ đến hết tháng 12/2021; Điều chỉnh tăng thời hạn kiểm định cho xe ô tô kinh doanh vận tải, cụ thể là: Đối với chu kỳ đầu là 24 tháng và chu kỳ tiếp theo là 12 tháng³⁶; Lùi thời hạn lắp camera đối với xe khách từ 9 chỗ trở lên, xe tải đầu kéo chở công-ten- nơ theo quy định tại Nghị định số 10/2020/NĐ-CP của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô đến 31/7/2023.³⁷

- Bộ Tài chính (Ủy ban Chứng khoán nhà nước) sửa đổi Quyết định số 87/QĐ-UBCK về điều kiện giao dịch ký quỹ cho phép các doanh nghiệp hàng không và các doanh nghiệp bị ảnh hưởng trực tiếp bởi Covid-19 không bị cắt margin khi lợi nhuận âm 2 quý liên tục và các

5. Một số giải pháp, chính sách khác

- Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ nghiên cứu điều chỉnh chính sách về Quỹ khoa học và công nghệ, theo hướng cho phép các DN nhà nước tự chủ hơn đầu tư vào R&D, đổi mới sáng tạo, áp dụng cơ chế quản lý hiệu quả đầu tư tổng thể thay vì theo từng dự án cụ thể để khuyến khích vào đầu tư đổi mới sáng tạo, chấp nhận rủi ro, mất vốn ở một mức độ cho phép do đầu tư vào công nghệ, đổi mới sáng tạo.

- Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương đẩy mạnh thực hiện Nghị định số 47/2020/NĐ-CP quy định về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước; xây dựng cơ chế minh bạch về nguồn dữ liệu mở thuộc khu vực công tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh

³⁶ Công văn số 01/2021/HHTX-2021 của Hiệp hội Taxi Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 18/5/2021 về việc Kiến nghị các giải pháp hỗ trợ khẩn cấp cho các doanh nghiệp vận tải bị ảnh hưởng bởi COVID-19

³⁷ Công văn số 35/HHVT của Hiệp hội vận tải ô tô Việt Nam ngày 27/5/2021 Kiến nghị chính sách hỗ trợ do ảnh hưởng của đại dịch Covid 19 đối với các đơn vị kinh doanh vận tải ô tô

ngành công nghệ có thể tiếp cận nguồn tài nguyên số để phát triển các sản phẩm dịch vụ đổi mới sáng tạo; đẩy mạnh triển khai thực hiện Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và Chiến lược quốc gia về phát triển doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam đến năm 2030; Xây dựng chiến lược phát triển các trung tâm dữ liệu; Nghiên cứu giao hoặc đặt hàng các DN công nghệ số Việt Nam phát triển các giải pháp, nền tảng công nghệ số phục vụ phòng chống dịch và phục vụ các ngành, lĩnh vực thiết yếu: y tế, giáo dục, giao thông, xây dựng, chính phủ điện tử, chuyển đổi số trong quản lý,...

- Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và PTNT khẩn trương nghiên cứu, đánh giá ban hành QCVN mới thay thế QCVN 11:2015, trong đó xem xét, tiếp thu kiến nghị của doanh nghiệp về quy định ngưỡng của chỉ tiêu phospho vào trong dự thảo QCVN 11: 2017/BTNMT về nước thải CBTS; quy định rõ lộ trình áp dụng phù hợp (5 – 10 năm) cho QCVN mới theo thông lệ quốc tế để các DN chủ động đầu tư, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải; giữ nguyên mức giới hạn kiểm soát của Amoni và Nitơ như QCVN 11:2015.

- Chính phủ sớm ban hành Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2021-2025 và bố trí nguồn lực để triển khai thực hiện, hỗ trợ DNNVV.

- Bộ Công Thương nghiên cứu xây dựng chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ trong các ngành công nghiệp ưu tiên theo từng thời kỳ, tránh đầu tư dàn trải; Có giải pháp dài hạn và bền vững về đảm bảo ổn định nguồn nguyên vật liệu đầu vào cho các ngành sản xuất chế tạo.³⁸

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu ban hành cơ chế chính sách để khuyến khích, hỗ trợ hình thành các tập đoàn kinh tế tư nhân, các doanh nghiệp tư nhân có quy mô lớn, đóng vai trò dẫn dắt ở một số ngành, lĩnh vực hoặc vùng hoặc vai trò là doanh nghiệp dẫn đầu trong chuỗi giá trị, đặc biệt là các chuỗi giá trị trong nông nghiệp; xây dựng và triển khai Chương trình hỗ trợ chuyển đổi số trong doanh nghiệp, trình Thủ tướng Chính phủ trong tháng 9 năm 2021.

- Tổng cục Hải quan chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương nghiên cứu, đơn giản hóa tối đa các quy trình hành chính hiện tại hoặc xem xét áp dụng các quy trình xuất, nhập khẩu ưu tiên (như trường hợp vừa áp dụng với việc xuất khẩu vải thiều) để hỗ trợ các doanh nghiệp tối ưu thời gian, chi phí ở các khâu thực hiện trong nước nhằm đẩy nhanh quy trình, thủ tục nhập về các mặt hàng thiết yếu hay đẩy nhanh việc xuất các sản phẩm nông sản, xuất các nhóm mặt hàng xuất khẩu chủ đạo...³⁹.

³⁸ Công văn số 41/2021/VASI ngày 20/5/2021 về doanh nghiệp CNHT đề xuất với Chính phủ về hỗ trợ sau Covid-19

³⁹ Báo cáo tổng hợp phân ánh, kiến nghị của các doanh nghiệp, hiệp hội tháng 04-05/2021 của Ban Nghiên cứu Phát triển Kinh tế tư nhân

- UBND các tỉnh, thành phố hỗ trợ tiếp cận mặt bằng sản xuất phù hợp với quy mô nhỏ của doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ (dưới 1000 m²) và giảm giá thuê đất.
